**BÀI 6: NHỮNG VẤN ĐỀ TOÀN CẦU**

**( Văn bản nghị luận – 17tiết)**

**I. MỤC TIÊU:**

**1. Năng lực**

– Nhận biết và phân tích được luận đề, luận điểm, lí lẽ và bằng chứng tiêu biểu trong văn bản.

– Biết nhận xét, đánh giá tính chất đúng hoặc sai cùa vấn đề đặt ra trong văn bản.

– Biết liên hệ được ý tưởng, thông điệp trong văn bản với bối cảnh lịch sử, văn hóa, xã hội.

– Biết lựa chọn được câu đơn-câu ghép, các kiểu câu ghép và các phương tiện nối các vế câu ghép.

– Viết được một bài văn nghị luận về một vấn đề cần giải quyết; trình bày được giải pháp khả thi và có sức thuyết phục.

– Viết được một quảng cáo hoặc tờ rơi về một sản phẩm hay hoạt động, sử dụng kết hợp phương tiện ngôn ngữ và phương tiện phi ngôn ngữ.

- Biết trình bày được ý kiến về một sự việc có tính thời sự.

– Năng lực tự chủ và tự học: Biết chủ động, tích cực thực hiện những công việc của bản thân trong học tập.

– Năng lực giao tiếp, hợp tác: Hiểu rõ nhiệm vụ của nhóm; đánh giá được khả năng của mình và tự nhận công việc phù hợp với bảnthân; thể hiện trong hoạt động làm bài tập nhóm đôi ở hoạt động *Thực hành tiếng Việt*.

- Năng lực sáng tạo ra sản phẩm là bài viết theo thể loại.

**2. Phẩm chất:**

- Có trách nhiệm, quan tâm đến những vấn đề xã hội và có cách ứng xử phù hợp.

-Chăm chỉ: Biết chủ động, tích cực thực hiện những công việc của bản thân trong học tập.

- Trung thực trong kiểm tra.

**II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU:**  
**1. Thiết bị :   
-** Máy tính   
- Ti vi - Phiếu học tập   
- Bảng phụ  **2. Học liệu:**- Tri thức Ngữ văn 9  
- Tranh ảnh minh họa liên quan bài học- Đoạn video   
- Tư liệu Văn học **III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC:**

**A. ĐỌC**

**Tiết 73,74**

**Văn bản 1: ĐẤU TRANH CHO MỘT THẾ GIỚI HÒA BÌNH**

**( G.G. Mác-két)**

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG GV VÀ HS** | | | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** | |
| **KHỞI ĐỘNG** | | | | |
| **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ:**  GV cho HS xem video *Tóm tắt vụ Mỹ ném bom nguyên tử xuống hai thành phố Hiroshima và Nagasaki của Nhật Bản:*  <https://www.youtube.com/watch?v=nVd9doplytM>  GV đặt câu hỏi: Video trên gợi cho em những suy nghĩ gì?  **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ**   * HS suy nghĩ và trả lời. * GV động viên, khuyến khích HS.   **Bước 3: Báo cáo kết quả**  **\*Dự kiến sản phẩm:** Video gợi những suy nghĩ:  - Sự huỷ diệt khủng khiếp của vũ khí hạt nhân: 2 quả bom nguyên tử có sức tàn phá nặng nề đối với hai thành phố của Nhật Bản; không chỉ là hậu quả tại thời điểm bị ném bom mà còn là có sự ảnh hưởng lâu dài của chất phóng xạ đến môi trường và nhiều thế hệ người Nhật Bản sau này.  - Vũ khí hạt nhân nói riêng và chiến tranh nói chung đều gây ra sự đau thương cho con người, vạn vật; sự tàn phá với môi trường sự sống.  - Cần chung tay vì một thế giới hoà bình.  **Bước 4: Đánh giá, kết luận:** Nhận xét câu trả lời của HS, dẫn dắt để kết nối hoạt động hình thành kiến thức mới.  **🡺GV dẫn vào bài:**  *Vũ khí hạt nhân, chiến tranh chỉ là một trong rất nhiều những vấn đề có tính toàn cầu mà chúng ta cần phải quan tâm. Bên cạnh đó, chúng ta còn có thể kể đến rất nhiều những vấn đề toàn cầu khác: biến đổi khí hậu, môi trường, sự phát triển của mạng xã hội…Chúng ta là những con người sống trong bối cảnh toàn cầu hoá, chúng ta cần nhận thức rõ hơn về những vấn đề tác động đến cuộc sống của toàn nhân loại nói trên. Trong bài học 6 này, qua việc đọc văn bản nghị luận, chúng ta sẽ hiểu hơn về những vấn đề toàn cầu và sự tác động của những vấn đề ấy đến cuộc sống của chúng ta. Trong VB 1, cô trò chúng ta sẽ đi tìm hiểu vấn đề chiến tranh và hoà bình qua VB “Đấu tranh cho một thế giới hoà bình”.* | | |  | |
| **HOẠT ĐỘNG HÌNH THÀNH KIẾN THỨC**  **PHT SỐ 1: TÌM HIỂU VỀ Ý TƯỞNG, THÔNG ĐIỆP CỦA VB**  Ý tưởng của VB là …………………….………………………………………………….  …………………….………………………………………………….…………………….  Ý tưởng của VB thường được nảy sinh qua ………………………………………………  …………………….………………………………………………….…………………….  Thông điệp của VB là ...................……………………………………………….….…….  …………………….………………………………………………….…………………….  **PHT SỐ 2: TÌM HIỂU QUÁ TRÌNH PHÁT TRIỂN TỪ Ý TƯỞNG THÀNH THÔNG ĐIỆP**  (1) HS đọc SGK và khái quát quá trình phát triển từ ý tưởng thành thông điệp dưới dạng sơ đồ.  (2 Phân tích ví dụ minh hoạ cho quá trình phát triển từ ý tưởng thành thông điệp trong sgk,tr.5   |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  | | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | | **PHT 03: TÌM HIỂU BỐI CẢNH LỊCH SỬ, VĂN HOÁ, XÃ HỘI TRONG VIỆC ĐỌC HIỂU VĂN BẢN**  (1) HS đọc mục *Bối cảnh lịch sử, văn hoá, xã hội* *trong việc đọc hiểu VB* ở SGK và hoàn thành sơ đồ sau:  Loại 1:  …  Loại 2:  …  Tác dụng với việc đọc hiểu VB  (2) Phân tích ví dụ minh hoạ cho lí thuyết về bối cảnh lịch sử, văn hoá, xã hội trong sgk, tr.5  **PHIẾU HỌC TẬP 05: HỆ THỐNG LUẬN ĐỀ, LUẬN ĐIỂM, LÍ LẼ VÀ BẰNG CHỨNG CỦA VB**   |  |  |  | | --- | --- | --- | | **Luận đề:** | **Luận điểm** | **Lí lẽ và bằng chứng** | | **Luận điểm 1:** | **- Lí lẽ:.................................**  **- Bằng chứng: .......................** | | **Luận điểm 2:** | **.........................** | | **Luận điểm 3:** | **.........................** | | **Luận điểm 4:** |  | | | | | | |
| **1. Hướng dẫn tìm hiểu tri thức Ngữ văn**  **NV1: Tìm hiểu ý tưởng, thông điệp của văn bản, bối cảnh lịch sử, văn hóa, xã hội.**  **\*Tìm hiểu về văn bản nghị luận**  **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ:**  HS thảo luận hoàn thành PHT 01, 02, 03:  Nhóm 1, 2: PHT 01, 02  Nhóm 3, 4: PHT 03  **Bước 2. HS thực hiện nhiệm vụ**  **HS thảo luận trong 5 phút**  **Bước 3: Báo cáo, thảo luận**  - Các nhóm lần lượt báo cáo.  - Các nhóm khác nhận xét, bổ sung  **Bước 4:** **Kết luận/ nhận định**  GV chuẩn hoá kiến thức:  - Ý tưởng, thông điệp của văn bản.  - Bối cảnh lịch sử, văn hoá, xã hội trong việc đọc hiểu văn bản.  **\*Tìm hiểu chung về văn bản**  **Bước 1*:* Chuyển giao nhiệm vụ:**  - GV hướng dẫn HS đọc VB:  + Đọc kĩ từng phần của văn bản:  đọc to, rõ ràng, chú ý các chỉ dẫn trong box bên tuyến phải trang sách – chủ yếu kĩ năng theo dõi, suy luận.  - GV đọc mẫu một đoạn rồi gọi 1 vài HS khác đọc theo đoạn.  - **Thảo luận theo cặp trong 03 phút- hoàn thành Phiếu học tập 04:**  **+** *Nêu một vài hiểu biết của em về tác giả.*  *+ Nêu hoàn cảnh ra đời của VB*  *+ Nêu thể loại và phương thức biểu đạt chính của văn bản*  + *Xác định bố cục của VB*  **Bước 2. HS thực hiện nhiệm vụ**  - HS đọc VB – Giải thích một vài chú thích SGK.  - GV hướng dẫn HS thực hiện lần lượt từng yêu cầu.  - HS thực hiện.  **Bước 3. Báo cáo, thảo luận**  - Đại diện 1 số cặp trình bày sản phẩm thảo luận.  - Nhóm khác nghe, bổ sung  **Bước 4. Đánh giá, kết luận**  -GV nhận xét mức độ đạt được về kiến thức, kĩ năng của từng câu trả lời, về thái độ làm việc khi thảo luận của HS.  - Chuẩn kiến thức.  **Hướng dẫn HS tìm hiểu văn bản**  **\*NV1: Tìm hiểu hệ thống luận đề, luận điểm, lí lẽ, bằng chứng trong văn bản:**  **Thảo luận nhóm theo kĩ thuật mảnh ghép:**  **Bước 1*:* Chuyển giao nhiệm vụ:**  **VÒNG 1**  : Nhóm chuyên gia:  **Nhiệm vụ**: Hoàn thành phiếu HT số 05.  Nhóm 1, 2: Tìm lí lẽ, bằng chứng cho LĐ 1  Nhóm 3, 4: Tìm lí lẽ, bằng chứng cho LĐ 2  Nhóm 5, 6: Tìm lí lẽ, bằng chứng cho LĐ 3, 4  **VÒNG 2:** Nhóm mảnh ghép: Tạo nhóm mới và thực hiện nhiệm vụ mới:  - Chia sẻ kết quả thảo luận ở vòng chuyên gia.  - Trả lời câu hỏi: Nhận xét về mối liên hệ giữa luận đề, luận điểm, lí lẽ và bằng chứng của VB.  **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ học tập (17p)**  ***\** VÒNG 1**: Nhóm chuyên gia: ***( 7p)***  **HS**:  - Làm việc cá nhân 2 phút, ghi kết quả ra phiếu cá nhân.  - Thảo luận nhóm 5 phút và ghi kết quả ra phiếu học tập nhóm (phần việc của nhóm mình làm).  **GV** hướng dẫn HS thảo luận (nếu cần).  ***\* Vòng mảnh ghép (08 phút)***  **HS**:  - 3 phút đầu: Từng thành viên ở nhóm trình bày lại nội dung đã tìm hiểu ở vòng mảnh ghép.  - 5 phút tiếp: thảo luận, trao đổi để hoàn thành những nhiệm vụ còn lại.  **GV** theo dõi, hỗ trợ cho HS (nếu HS gặp khó khăn).  **Bước 3: Báo cáo kết quả và thảo luận -5p**  - GV gọi đại diện 02 nhóm lên trình bày.  - Hướng dẫn HS trình bày (nếu cần).  HS:  - Đại diện 2 nhóm lần lượt trình bày sản phẩm.  - Các nhóm khác theo dõi, quan sát, nhận xét, bổ sung (nếu cần) cho nhóm bạn.  - Giáo viên: Quan sát, theo dõi quá trình học sinh thực hiện, gợi ý nếu cần  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ-5p**  - GV nhận xét, đánh giá, (sửa chữa nếu cần) rút kinh nghiệm, chuẩn kiến thức.  **\*NV2: Phân tích các lí lẽ, bằng chứng tiêu biểu nhận xét, đánh giá tính đúng – sai của vấn đề trong VB**  **Bước 1*:* Chuyển giao nhiệm vụ:**  HĐ Theo nhóm 2 bàn (kĩ thuật khăn trải bàn), thảo luận trả lời các câu hỏi:  - Em có nhận xét gì về cách tác giả triển khai bằng chứng trong phần 2 của văn bản.  - Nhận xét về tính chặt chẽ của lí lẽ mà tác giả đưa ra trong đoạn 4: Tác giả đề xuất giải pháp ở đoạn cuối văn bản nhằm mục đích gì?  - Từ hai câu hỏi trên, em hãy nêu cách nhận biết, phân tích lí lẽ, bằng chứng tiêu biểu trong văn bản.  **Bước 2: Các nhóm thực hiện nhiệm vụ:**  - HS trao đổi, thảo luận.  **Bước 3: Báo cáo, thảo luận:**  -GV gọi một số nhóm chia sẻ, trình bày kết quả.  - Nhóm khác bổ sung, nhận xét.  **Bước 4: Đánh giá, kết luận.**  **NV3: Tìm hiểu về mối liên hệ giữa ý tưởng, thông điệp với bối cảnh lịch sử, văn hoá, xã hội trong việc đọc hiểu văn bản**  **Bước 1*:* Chuyển giao nhiệm vụ:**  HĐ cặp đôi, thực hiện các yêu cầu:  - Em hãy vẽ sơ đồ quá trình phát triển từ ý tưởng thành thông điệp của văn bản.  - Nhận xét về bối cảnh lịch sử, văn hoá, xã hội trong việc đọc hiểu văn bản.  **Bước 2: Các nhóm thực hiện nhiệm vụ:**  - HS trao đổi, thảo luận.  **Bước 3: Báo cáo, thảo luận:**  -GV gọi một số cặp đôi chia sẻ, trình bày kết quả.  - Nhóm khác bổ sung, nhận xét.  **Bước 4: Đánh giá, kết luận.** | **I. Tri thức Ngữ văn: 1.Tri thức ngữ văn: Sgk/5**  **II. Trải nghiệm cùng văn bản:**  **1. Đọc văn bản, giải thích từ khó.**  - Đọc  - Tìm hiểu và giải thích từ khó ( SGK/Tr. 7, 8, 9)  **2. Văn bản**  ***a.******Hoàn cảnh sáng tác:*** Tháng 8/1986, nguyên thủ sáu nước Ấn Độ, Mê-hi-cô, Thuỵ Điển, Ác-hen-ti-na, Hy Lạp, Tan-da-ni-a họp lần thứ hai tại Mê-hi-cô, đã ra một bản tuyên bố kêu gọi chấm dứt chạy đua vũ trang, thủ tiêu vũ khí hạt nhân để đảm bảo an ninh và hoà bình thế giới. Nhà văn Mác-két được mời tham dự cuộc gặp gỡ này. Văn bản được trích từ tham luận của ông.  **b. *Thể loại*:** Văn bản nghị luận về một vấn đề đời sống  **c.** ***Phương thức biểu đạt chính****:* Nghị luận  **d. *Bố cục***: 4 phần (theo đánh số thứ tự trong sgk)  **III. Suy ngẫm và phản hồi**  **1. Hệ thống luận đề, luận điểm, lí lẽ, bằng chứng của VB**  **a. Mối liên hệ giữa luận đề, luận điểm, lí lẽ, bằng chứng của VB**   |  |  |  | | --- | --- | --- | | **Luận đề: Vấn đề chạy đua vũ khí hạt nhân trên toàn cầu** | **Luận điểm** | **Lí lẽ và bằng chứng** | | **Luận điểm 1: Thực trạng và các nguy cơ của việc chạy đua vũ trang trong bối cảnh thế giới hiện đại** | **Lí lẽ:** Ngành công nghiệp hạt nhân có những tiến bộ ghê gớm và kho vũ khí hạt nhânđang được tàng trữ có khả năng huỷ diệt cả trái đất và các hành tinh khác trong hệ mặt trời.  **- Bằng chứng:**  + Đưa ra con số cụ thể: “50 000 đầu đạt hạt nhân…, mỗi người ngồi trên 4 tấn thuốc nổ.  + Nguy cơ huỷ diệt của những đầu đạn hạt nhân nói trên: “Tất cả chỗ đó sẽ nổ tung lên…sự sống trên Trái Đất”.  + Về lí thuyết có thể tiêu diệt tất cả các hành tinh xoay quanh Mặt Trời, cộng thêm bốn hành tinh nữa, và phá huỷ thế cân bằng của hệ Mặt Trời. | | **Luận điểm 2: Việc chạy đua vũ trang làm cho nhân loại mất đi cơ hội được sống tốt đẹp hơn** | **Lí lẽ:** Bảo tồn sự sống trên Trái Đất ít tốn kém so với “dịch hạch” hạt nhân.  **Bằng chứng**: So sánh các nguồn kinh phí các hoạt động trong lĩnh vực cứu trẻ em, y tế, tiếp tế thực phẩm, giáo dục,…với kinh phí của việc chạy đua vũ trang. | | **Luận điểm 3: Việc chạy đua vũ trang là đi ngược lại lí trí con người và lí trí tự nhiên** | **Lí lẽ:** Ý nghĩ dai dẳng cho rằng Trái Đất là nơi độc nhất có phép màu của sự sống trong hệ Mặt Trời đã đẩy chúng ta tới kết luận chạy đua vũ trang là đi ngược lại lí trívà việc so sánh Trái Đất đã có quá trình tiến hoá vô cùng dài và chiến tranh sẽ đưa thành quả về vạch xuất phát.  **- Bằng chứng:** “Từ khi mới nhen nhúm sự sống trên Trái Đất…mới chết vì yêu.”. “Trong thời đại hoàng kim này…điểm xuất phát của nó”=> Chiến tranh hạt nhân đẩy lùi quá trình tiến hoá, tiêu huỷ mọi thành quả của quá trình tiến hoá. | | **Luận điểm 4: Lời kêu gọi chấm dứt việc chạy đua vũ trang** | **- Lí lẽ:** Tất cả chúng ta phải có nhiệm vụ ngăn chặn cuộc chiến tranh hạt nhân, đấu tranh vì một thế giới hoà bình; tác giả đưa ra các giải pháp để ngăn chặn các cuộc chạy đua vũ trang này.  - **Bằng chứng:** Đề nghị lập ra nhà băng lưu trữ trí nhớ để cho nhân loại tương lai biết rằng sự sống đã từng tồn tại tại đây. |   **b. Phân tích các lí lẽ, bằng chứng tiêu biểu nhận xét, đánh giá tính đúng – sai của vấn đề trong VB**  **- Nhận xét những bằng chứng tác giả đưa ra trong phần 2:**  + Những bằng chứng trong phần 2 của VB được trình bày dưới dạng so sánh, để cho thấy số tiền chạy đua vũ trang đã cướp đi cơ hội phát triển, xây dựng cuộc sống ấm no cho nhân loại như thế nào. Cụ thể:  ++ Số tiền bỏ ra cho 100 máy ném bom chiến lược B.1B của Mỹ và cho dưới 7 000 tên lửa vượt đại châu (khoảng 100 tỉ đô la) là số tiền cần để UNICEF thực hiện chương trình giải quyết vấn đề cấp bách cho 500 triệu trẻ em nghèo khổ nhất trên thế giới.  ++ Giá của 10 chiếc tàu sân bay mang vũ khí hạt nhân kiểu tàu Ni-mít đủ để thực hiện một chương trình phòng bệnh trong 14 năm, bảo vệ cho hơn 1 tỉ người khỏi bệnh sốt rét và cứu hơn 14 triệu trẻ em, riêng cho châu Phi mà thôi.  ++ Chỉ cần 27 tên lửa MX là đủ trả tiền nông cụ cần thiết cho các nước nghèo để họ có được thực phẩm trong bốn năm tới.  ++ Chỉ hai chiếc tàu ngầm mang vũ khí hạt nhân là đủ tiền xoá nạn mù chữ cho toàn thế giới.  + Ngoài ra, tác giả đã triển khai các bằng chứng một cách đa dạng trên nhiều lĩnh vực: Cứu trợ trẻ em, y tế, tiếp tế thực phẩm, giáo dục. Cách triển khai này cho thấy tác giả đã nhìn nhận, xem xét vấn đề một cách toàn diện.  🡪 Cách triển khai bằng chứng một cách hiệu quả, thuyết phục góp phần làm sáng tỏ luận điểm và luận đề của VB.  **2. Mối liên hệ giữa ý tưởng, thông điệp với bối cảnh lịch sử, văn hoá, xã hội trong việc đọc hiểu văn bản**   1. **Quá trình phát triển từ ý tưởng thành thông điệp**   **TÁC ĐỘNG ĐẾN NGƯỜI ĐỌC:**  Nâng cao nhận thức về hiểm hoạ vũ khí hạt nhân và có ý thức kêu gọi tiếng nói chống chạy đua vũ trang vì cuộc sống hoà bình.  **THÔNG ĐIỆP TRONG VB:**  Tất cả chúng ta phải có nhiệm vụ ngăn chặn cuộc chiến tranh hạt nhân, đấu tranh vì một thế giới hoà bình.  **Ý TƯỞNG CỦA TÁC GIẢ:**  Những tiến bộ vượt bậc của ngành công nghiệp hạt nhân và những cuộc chiến tranh vũ trang có nguy cơ đe doạ đến toàn nhân loại.  +  **b. Bối cảnh lịch sử, văn hoá, xã hội trong việc đọc hiểu văn bản.**  + Ở thời điểm văn bản ra đời: Thời điểm tháng 8/1986, ngành công nghiệp hạt nhân đang phát triển mạnh, hơn 50 000 đầu đạn hạt nhân đang được bố trí trên khắp hành tinh; các nước đang nỗ lực để kêu gọi chấm dứt chạy đua vũ trang, thủ tiêu vũ khí hạt nhân để đảm bảo an ninh và hoà bình thế giới.  + Liên hệ với bối cảnh hiện nay: Công nghiệp hạt nhân vẫn đang phát triển với những tiến bộ vượt bậc; đặc biệt năng lượng hạt nhân nếu không dùng để sản xuất vũ khí huỷ diệt có thể trở thành nguồn năng lượng có ích cho nhân loại. Vì vậy, ngoài việc kêu gọi chấm dứt vũ khí hạt nhân thì chúng ta cần khuyến khích, thúc đẩy sử dụng năng lượng hạt nhân một cách hiệu quả, an toàn. | | | |
| **HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP** | | | |
| **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**  **Trắc nghiệm củng cố: Trò chơi “Vùng xanh an toàn”**  **GV hướng dẫn trò chơi:** Chiếc xe oto đang di chuyển đến “vùng xanh an toàn” thì gặp phải các chướng ngại vật. Các bạn hãy trả lời đúng các câu hỏi để xe ô tô vượt qua được chướng ngại vật và về đích nhé.  **Gợi ý nhóm câu hỏi:**  **Câu 1:** Xác định luận đề của văn bản:  A. Bàn về hậu quả của chiến tranh  **B. Bàn về vấn đề chạy đua vũ khí hạt nhân trên toàn cầu**  C. Bàn về ô nhiễm môi trường  D. Bàn về biến đổi khí hậu  **Câu 2.** Đâu *không phải* là luận điểm của văn bản?  A. Thực trạng và các nguy cơ của việc chạy đua vũ trang trong bối cảnh thế giới hiện đại  B. Việc chạy đua vũ trang làm cho nhân loại mất đi khả năng sống tốt đẹp hơn  C. Việc chạy đua vũ trang là đi ngược lại lí trí con người và lí trí tự nhiên  **D. Việc chạy đua vũ trang mang lại quyền lợi lớn cho các nước phát triển**  **Câu 3.** Trong đoạn 2 của văn bản, bằng chứng được tác giả triển khai như thế nào?  A. Triển khai dưới dạng liệt kê  B. Triển khai bằng thủ pháp cường điệu, phóng đại  **C. Triển khai dưới dạng so sánh, đa dạng trên nhiều lĩnh vực**  D. Triển khai theo phạm vi từ rộng đến hẹp, từ toàn cầu đên các quốc gia  **Câu 4.** Trong lời kêu gọi chấm dứt việc chạy đua vũ trang, tác giả bài viết *không* hướng đến những đối tượng nào trong những đối tượng sau đây?  A. Nguyên thủ sáu nước tham gia cuộc họp  B. Nhân dân thế giới  C. Các nước đang tham gia chạy đua vũ trang trên thế giới  **D. Lãnh đạo nước Cô-lôm-bi-a, nơi nhà văn đang sinh sống**  **Câu 5.** Câu văn nào sau đây thể hiện ý kiến, đánh giá chủ quan của người viết trong văn bản?  A. Tất cả chỗ đó nổ tung lên sẽ làm biến mất hết thảy, không phải một lần mà là mười hai lần, mọi dấu vết của sự sống trên Trái Đất.  B. Chỉ hai tàu ngầm mang vũ khí hạt nhân là đủ tiền xoá nạn mù chữ cho toàn thế giới.  C. Từ khi mới nhen nhúm sự sống trên Trái Đất, đã phải trải qua 380 năm triệu năm con bướm mới bay được…chỉ để làm đẹp mà thôi.  **D. Nhưng dù cho tai hoạ có xảy ra thì sự có mặt của chúng ta ở đây cũng không phải là vô ích.**  **Câu 6.** Thông điệp nào sau đây phù hợp với nội dung của văn bản?  A. Chúng ta cần ngừng sử dụng năng lượng hạt nhân trên toàn cầu  **B. Tất cả chúng ta phải có nhiệm vụ ngăn chặn cuộc chiến tranh hạt nhân, đấu tranh vì một thế giới hoà bình.**  C. Chúng ta cần chung tay vì một hành tinh xanh  D. Chúng ta cần tăng cường, giao lưu hợp tác giữa các quốc gia  **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ:**  + HS nghe yêu cầu, tham gia trò chơi.  + Gv quan sát, khích lệ và hỗ trợ nếu cần.  **Bước 3: Báo cáo, thảo luận:**  HS trả lời câu hỏi  **Bước 4: Kết luận, nhận định:** GV công bố kết quả | |  | |

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG** | |
| **Bước 1: GV giao nhiệm vụ:** Đề bài: *Năng lượng hạt nhân khi không dùng để sản xuất vũ khí huỷ diệt có thể trở thành nguồn năng lượng có ích cho nhân loại. Tìm hiểu những lợi ích của năng lượng hạt nhân và thiết kế sản phẩm sáng tạo để giới thiệu thông tin này trên góc truyền thông của lớp.*  **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ:**  - HS thực hiện nhiệm vụ trao đổi, thảo luận tìm ý.  - HS thiết kế sản phẩm sáng tạo để giới thiệu thông tin về lợi ích của năng lượng hạt nhân.  **Bước 3: Báo cáo, thảo luận:**  **-** GV gọi 1 số HS báo cáo sản phẩm học tập.  - Các HS khác lắng nghe, nhận xét, bổ sung.  **Bước 4: Kết luận, nhận định:** GV nhận xét, kết luận | Gợi ý: Lợi ích của năng lượng hạt nhân: + Tạo ra một số lượng lớn năng lượng: Phản ứng hạt nhân giải phóng hơn một triệu lần năng lượng so với các năng lượng khác. Một lượng điện năng lớn được tạo ra, nguồn năng lượng này chiếm khoảng 10-15% sản lượng điện của thế giới. + Nguồn năng lượng xanh: Trong quá trình phản ứng hạt nhân không tạo ra các khí thải nhà kính, ít ảnh hưởng nghiêm trọng đến môi trường. Với 1 kilogam uranium-235 có thể sản xuất ra một lượng năng lượng điện tương đương với 1.500 tấn than. Đốt một lượng lớn than trong quá trình sản xuất điện sẽ sinh ra một lượng lớn CO rất độc hại. + Không làm ô nhiễm không khí: Đốt than đá tạo ra khí CO là một mối đe dọa đối với môi trường cũng như đời sống con người. Sản xuất năng lượng hạt nhân không sinh ra khí CO nên không gây ô nhiễm không khí trực tiếp. Nhưng quá trình xử lý chất thải phóng xạ là một vấn đề lớn. + Nhiên liệu độc lập: Lò phản ứng hạt nhân sử dụng uranium làm nhiên liệu. Việc sử dụng nguồn năng lượng này giúp cho nhiều quốc gia độc lập về năng lượng. |

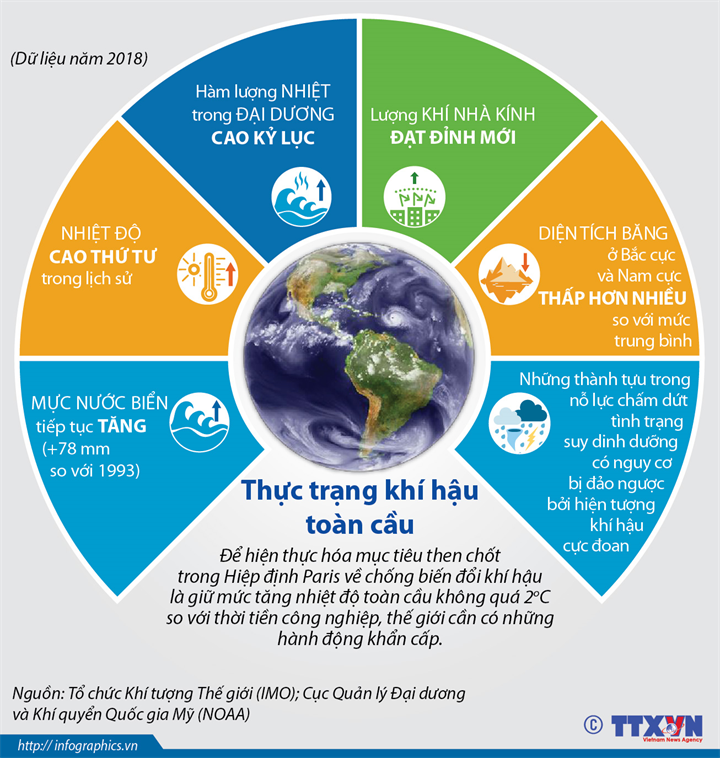
**Tiết 75,76**

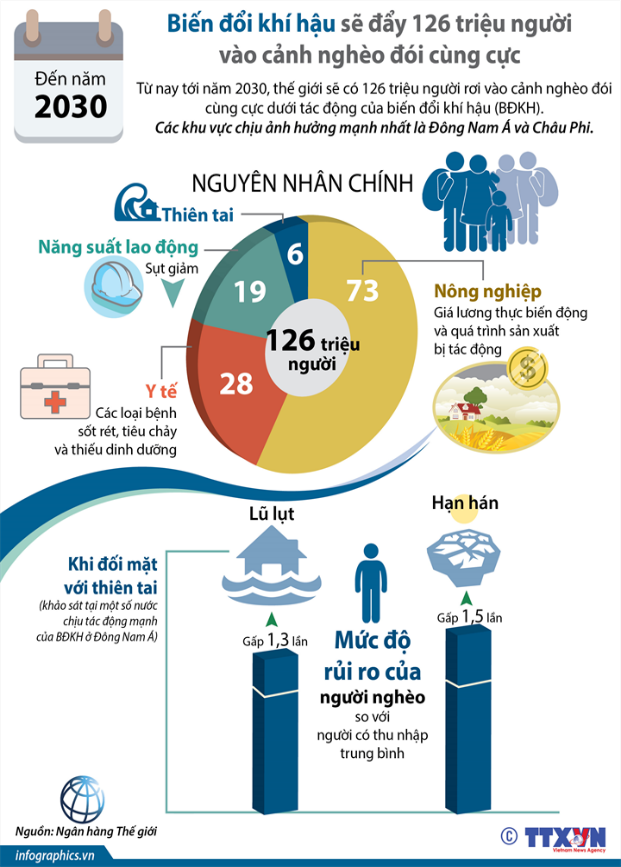
**Văn bản 2: BÀI PHÁT BIỂU CỦA TỔNG THƯ KÍ LIÊN HỢP QUỐC**

**VỀ BIẾN ĐỔI KHÍ HẬU**

**(Antonio Guterres)**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG GV VÀ HS** | | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| **KHỞI ĐỘNG** | | |
| **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ:**  GV đặt câu hỏi: Những hình ảnh sau đây gợi cho các em nghĩ đến hiện tượng tự nhiên/vấn đề toàn cầu nào mà nhân loại đang phải đối mặt?  *1*  *2 22*  *Hình 3*  *4 445 55 A hurricane in the ocean  Description automatically generated*  *Hình 6*  **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ**  HS suy nghĩ và trả lời.  GV động viên, khuyến khích HS.  **Bước 3: Báo cáo kết quả**  **GV lần lượt gọi HS trả lời câu hỏi.**  **HS khác nhận xét, bổ sung.**  **Gợi ý sản phẩm:** Hình 1: Hiện tượng băng tan; Hình 2: Cháy rừng; Hình 3: Dịch bệnh; Hình 4: Hạn hán; Hình 5: Lũ lụt; Hình 6: Bão  **Bước 4: Kết luận/nhận đinh:** Nhận xét câu trả lời của HS, dẫn dắt để kết nối hoạt động hình thành kiến thức mới.  **GV dẫn vào bài:**  *Những hiện tượng tự nhiên/vấn đề toàn cầu mà chúng ta nhắc đến ở trên: hiện tượng băng tan do trái đất nóng lên, cháy rừng, nguy cơ dịch bệnh tăng cao, hạn hán, lũ lụt bất thương và sự xuất hiện ngày càng nhiều hiện tượng bão đều là hậu quả của việc biến đổi khí hậu trên toàn cầu. Như vậy, chúng ta có thể thấy biến đổi khí hậu là một vấn đề lớn, ảnh hưởng trực tiếp đến* | |  |
| **HOẠT ĐỘNG HÌNH THÀNH KIẾN THỨC MỚI**   |  |  | | --- | --- | | **PHIẾU HT 01: Tìm hiểu khái quát văn bản**  **Đọc văn bản *Bài phát biểu của Tổng thư kí Liên hợp quốc về biến đổi khí hậu (An-tô-ni-ô Gu-tê-rét****)* **và trả lời các câu hỏi sau:** | | | **Câu hỏi tìm hiểu** | **Trả lời** | | -Nêu một vài hiểu biết của em về tác giả An-tô-ni-ô Gu-tê-rét | .......................... | | - Nêu xuất xứ, thời điểm ra đời (nếu có) của văn bản. | ......................... | | - Xác định thể loại, phương thức biểu đạt chính của văn bản. | ........................ | | - Nêu bố cục của văn bản | ………………. | | **PHT 02: HỆ THỐNG LUẬN ĐỀ, LUẬN ĐIỂM, LÍ LẼ VÀ BẰNG CHỨNG CỦA VB**   |  |  |  | | --- | --- | --- | | **Luận đề:** | **Luận điểm** | **Lí lẽ và bằng chứng** | | **Luận điểm 1:** | **- Lí lẽ:.................................**  **- Bằng chứng: .......................** | | **Luận điểm 2:** | **.........................** | | **Luận điểm 3:** | **.........................** | | **Luận điểm 4:** |  | | | | | | | |
| **Hướng dẫn HS tìm hiểu chung: \*Tìm hiểu chung về văn bản**  **Bước 1*:* Chuyển giao nhiệm vụ:**  - GV hướng dẫn HS đọc VB:  + Đọc kĩ từng phần của văn bản:  đọc to, rõ ràng, chú ý dừng lại thực hiện chỉ dẫn trong box bên tuyến phải trang sách – chủ yếu kĩ năng suy luận  - HS tự thực hiện kĩ năng đọc đã thể hiện ở VB 1.  - **Thảo luận theo cặp trong 03 phút- hoàn thành Phiếu học tập 01:**  **+** *Nêu tác giả và xuất xứ, hoàn cảnh ra đời của văn bản***.**  *+ Nêu thể loại và phương thức biểu đạt chính của văn bản.*  *+ Xác định bố cục của văn bản (dựa theo luận điểm chính của VB)*  **Bước 2. HS thực hiện nhiệm vụ**  - HS đọc VB – Giải thích một vài chú thích SGK.  - GV hướng dẫn HS thực hiện lần lượt từng yêu cầu.  - HS thực hiện.  **Bước 3. Báo cáo, thảo luận**  - Đại diện 1 số cặp trình bày sản phẩm thảo luận.  - Nhóm khác nghe, bổ sung  **\* Bước 4. Kết luận/nhận định.**  GV và HS đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ của học sinh và khả năng trình bày trước lớp.  **\*Hướng dẫn HS tìm hiểu văn bản**  **\*NV1: Tìm hiểu hệ thống luận đề, luận điểm, lí lẽ, bằng chứng trong văn bản:**  **Thảo luận nhóm theo kĩ thuật khăn trải bàn**  **Bước 1*:* Chuyển giao nhiệm vụ:**  ***-* Câu hỏi chung cho cả lớp:** Xác định luận đề và hệ thống luận điểm của VB và điền luận đề, luận điểm vào PHT 02.  - **Nhiệm vụ cụ thể theo từng nhóm:**  **Nhóm 1, 2**: Tìm lí lẽ, bằng chứng cho LĐ 1, 2 theo PHT số 02.  **Nhóm 3, 4**: Tìm lí lẽ, bằng chứng cho LĐ 3, 4 theo PHT số 02.  **Bước 2: Các nhóm thực hiện nhiệm vụ:**  HS thảo luận theo nhóm trong 5 phút.  **Bước 3*:* Báo cáo kết quả**  Đại diện các nhóm báo cáo  Các nhóm khác nhận xét, bổ sung.  **Bước 4:** **Kết luận/nhận định**  .  **\*NV2: Phân tích các lí lẽ, bằng chứng tiêu biểu và nhận xét, đánh giá tính đúng – sai của vấn đề trong VB**  **Bước 1*:* Chuyển giao nhiệm vụ:**  HĐ CẶP ĐÔI CHIA SẺ.  HS thảo luận trả lời các câu hỏi:  - Trong phần 3, những giải pháp nào đã được nêu nhằm giải quyết vấn đề khủng hoảng khí hậu? Em có nhận xét gì về những giải pháp ấy.  - Ở phần 4, người viết nhấn mạnh vai trò lãnh đạo của người trẻ và phụ nữ trong việc ứng phó với biến đổi khí hậu. Em có suy nghĩ như thế nào về ý tưởng này?  **Bước 2: Các nhóm thực hiện nhiệm vụ:**  - HS trao đổi, thảo luận.  **Bước 3: Báo cáo, thảo luận:**  -GV gọi một số nhóm chia sẻ, trình bày kết quả.  - Nhóm khác bổ sung, nhận xét.  **Bước 4: Kết luận/ nhận định.**  **\*NV3: Tìm hiểu về mối liên hệ giữa ý tưởng, thông điệp với bối cảnh lịch sử, văn hoá, xã hội trong việc đọc hiểu văn bản**  **Bước 1*:* Chuyển giao nhiệm vụ:**  HĐ cá nhân, thực hiện các yêu cầu:  - Em hãy vẽ sơ đồ quá trình phát triển từ ý tưởng thành thông điệp của văn bản.  - Nhận xét về bối cảnh lịch sử, văn hoá, xã hội trong việc đọc hiểu văn bản.  **Bước 2: Các nhóm thực hiện nhiệm vụ:**  - HS trao đổi, thảo luận.  **Bước 3: Báo cáo, thảo luận:**  -GV gọi một số HS chia sẻ, trình bày kết quả.  - HS khác bổ sung, nhận xét.  **Bước 4: Kết luận/nhận định** | **I. TRẢI NGHIỆM CÙNG VĂN BẢN:**  **1. Tác giả**  Là chính trị gia người Bồ Đào Nha, đảm nhiệm vai trò Tổng thư kí Liên hợp quốc từ năm 2017.  **2. Văn bản**  **a*.* Đọc văn bản, giải thích từ khó.**  - Đọc  - Tìm hiểu và giải thích từ khó (SGK/Tr. 10,11,12)  **b. Xuất xứ và hoàn cảnh ra đời**  **-** Xuất xứ:In trong *Những bài văn hay làm thay đổi thế giới từ 1945 đến nay*, Ca-lô Ba-ta, Huy Toàn dịch, NXB Kim Đồng, 2022)  - Hoàn cảnh ra đời: Ngày 10/9/2018, tại trụ sở Liên hợp quốc (thành phố Niu Oóc, Mỹ), Tổng thư kí An-tô-ni-ô đã có bài phát biểu hướng đến các nhà lãnh đạo các quốc gia thành viên của Liên hợp quốc và toàn nhân loại, nhằm kêu gọi những hành động cụ thể, quyết liệt để ứng phó với biến đổi khí hậu. Văn bản được trích từ bài phát biểu của ông.  **c.** **Thể loại và phương thức biểu đạt chính:**  **- *Thể loại*:** Văn bản nghị luận về một vấn đề xã hội  - ***Phương thức biểu đạt chính****:* Nghị luận  **d*. Bố cục***:  - Phần 1 (từ đầu đến *làm điều cần thiết*): Thực trạng biến đổi khí hậu toàn cầu và sự cần thiết phải giải quyết vấn đề.  - Phần 2 (*Điều khiến cho* … *đang dần cạn kiệt*); Hậu quả của biến đổi khí hậu toàn cầu.  - Phần 3 (*Ngọn núi phía trước* … *gây ra*): Giải pháp cho vấn đề khủng hoảng biến đổi khí hậu và trách nhiệm của các quốc gia giàu có trong việc giải quyết vấn đề này.  - Phần 4 (phần còn lại): Khẳng định vai trò lãnh đạo của người trẻ và phụ nữ trong việc ứng phó với vấn đề biến đổi khí hậu.  **II. SUY NGÂM VÀ PHẢN HỒI:**    **. Hệ thống luận đề, luận điểm, lí lẽ, bằng chứng của VB**  **a. Mối liên hệ giữa luận đề, luận điểm, lí lẽ, bằng chứng của VB**   |  |  |  | | --- | --- | --- | | **Luận đề: Vấn đề chạy đua vũ khí hạt nhân trên toàn cầu** | **Luận điểm** | **Lí lẽ và bằng chứng** | | **Luận điểm 1: Thực trạng biến đổi khí hậu toàn cầu và sự cần thiết phải giải quyết vấn đề** | **- Lí lẽ:** Tác giả khẳng định biến đổi khí hậu là vấn đề hạn định của thời đại chúng ta và chúng ta đang ở vào thời điểm hạn định. Chúng ta phải đối mặt với mối đe doạ trực tiếp đến sự tồn vong.  **- Bằng chứng:**  + Nếu ta không thay đổi thì đến năm 2020, chúng ta có nguy cư đánh mất thời điểm có thể đánh mất thời điểm có thể tránh được một sự biến đổi khí hậu phi mã, gây ra những hậu quả tàn khốc đối với con người và hệ thống tự nhiên. | | **Luận điểm 2:**  **Hậu quả của biến đổi toàn cầu** | **Lí lẽ:** Tác giả đưa ra các hậu quả của biến đổi khí hậu đối với tự nhiên và con người.  **- Bằng chứng**:  Băng ở vùng biển Bắc Cực đang biến mất nhanh hơn chúng ta có thể hình dung.  + Nạn cháy rừng kéo dài hơn và lan đi xa hơn.  + Tốc độ diệt chủng sẽ tăng vọt khi môi trường sống bị thu hẹp lại.  + Nhiều người buộc phải di cư khỏi quê hương khi đất đai không đáp ứng được nhu cầu của họ.  + Nhiều cuộc xung đột xảy ra vì nguồn tài nguyên đang dần cạn kiệt. | | **Luận điểm 3: Giải pháp cho vấn đề khủng hoảng biến đổi khí hậu và trách nhiệm của các quốc gia giàu có trong việc giải quyết vấn đề này** | **- Lí lẽ:** Tác giả đã đề xuất những giải pháp nhằm giải quyết khủng hoảng khí hậu và hướng đến trách nhiệm của các quốc gia giàu có.  + Giảm thiểu khí nhà kính.  + Nhanh chóng thoát khỏi sự phụ thuộc vào nhiên liệu hoá thạch và thay thế chúng bằng năng lượng sạch từ nước, gió, mặt trời.  + Ngăn chặn nạn phá rừng, phục hồi các cánh rừng bị hư tổn và thay đổi phương thức canh tác.  + Nhấn mạnh các quốc gia giàu có chị trách nhiệm nhiều nhất về khủng hoảng khí hậu nhưng các quốc gia nghèo nhất lại phải hứng chịu những tác động trước nhất và tồi tệ nhất.  **- Bằng chứng:** Trong chu kì ngày càng gia tăng của các đợt hạn hán cực đoan và bão lũ dữ dội, phụ nữ và trẻ em là đối tượng đặc biệt phải trả giá. | | **Luận điểm 4: Khẳng định vai trò lãnh đạo của người trẻ và phụ nữ trong việc ứng phó với vấn đề biến đổi khí hậu** | **- Lí lẽ:** Tác giả nhấn mạnh vai trò của người lãnh đạo, đặc biệt nhấn mạnh sự hiện diện của giới trẻ và vai trò lãnh đạo của phụ nữ để hướng tới các giải pháp ứng phó với thách thức về biến đổi khí hậu. |   **b. Phân tích các lí lẽ, bằng chứng tiêu biểu và nhận xét, đánh giá tính đúng – sai của vấn đề trong VB**  **- Nhận xét những bằng chứng tác giả đưa ra trong phần 2:**  + Liệt kê các bằng chứng tác giả đưa ra trong phần 2: đã nêu ở bảng trên.  + Nhận xét: Tác giả đã triển khai các bằng chứng một cách đa dạng trên nhiều phương diện: *biến đổi khí hậu khiến môi trường tự nhiên cũng bị biến đổi và gây ra nhiều thiên tai khốc liệt; tác động trực tiếp đến sự tồn vong của con người*. Cách triển khai này cho thấy, tác giả đã xem xét vấn đề một cách toàn diện, góp phần làm rõ cho luận điểm 2 của phần 2 và luận đề của VB.  - **Nhận xét, đánh giá tính đúng – sai của những giải pháp nhằm giải quyết khủng hoảng biến đối khí hậu mà tác giả đưa ra trong phần 3**  + Các giải pháp: Đã nêu ở bảng trên.  + Nhận xét: Các giải pháp được nêu ra khả thi, phù hợp với thực trạng biến đổi khí hậu toàn cầu, đặc biệt hướng đến đối tượng là các quốc gia giàu có – đối tượng chịu trách nhiệm lớn nhất trong việc gây ra biến đổi khí hậu toàn cầu.  - **Nhận xét, đánh giá tính đúng – sai của ý tưởng mà tác giả đưa ra ở phần 4**  + Tác giả nhấn mạnh đến vai trò lãnh đạo của giới trẻ và phụ nữ trong việc ứng phó với biến đổi khí hậu: Khi phụ nữ được trao quyền lãnh đạo, họ sẽ là người biết hướng tới giải pháp.  + Nhận xét: Đây là ý tưởng đúng đắn, phù hợp với bối cảnh khí hậu toàn cầu đang khủng hoảng và sự thiếu hụt vai trò của những nhà lãnh đạo cũng như mong muốn giải quyết “vấn đề có tính hạn định” vào “thời điểm có tính chất hạn định” như hiện nay.  **2. Mối liên hệ giữa ý tưởng, thông điệp với bối cảnh lịch sử, văn hoá, xã hội trong việc đọc hiểu văn bản**   1. **Quá trình phát triển từ ý tưởng thành thông điệp**   **TÁC ĐỘNG ĐẾN NGƯỜI ĐỌC:**  Nâng cao nhận thức về biến đổi khí hậu và kêu gọi mọi người chung tay vì một tương lai sạch hơn, xanh hơn.  **THÔNG ĐIỆP TRONG VB:**  Tất cả chúng ta cần có những hành động thiết thực để ứng phó với thách thức về biến đổi khí hậu trên toàn cầu.  **Ý TƯỞNG CỦA TÁC GIẢ:**  Thực trạng và hậu quả của biến đổi khí hậu đối với tự nhiên và con người  **b. Bối cảnh lịch sử, văn hoá, xã hội trong việc đọc hiểu văn bản.**  + Ở thời điểm văn bản ra đời: Nhân loại đã và đang phải chịu những hậu quả nặng nề do biến đổi khí hậu đưa ra: Băng tan, cháy rừng, tốc độ diệt chủng,…  + Liên hệ với bối cảnh hiện nay: Biến đổi khí hậu vẫn đang tiếp tục gây ra những hậu quả nặng nề và ngày càng nghiêm trọng hơn (có thể liên hệ với tình hình bão lũ ở miền Bắc Việt Nam và cơn bão Yagi), người đọc càng hiểu rõ hơn về việc bảo vệ môi trường sống trước sự biến đổi khí hậu, nhận thức được đây là vấn đề toàn cầu chứ không phải vấn đề của riêng một quốc gia/vùng lãnh thổ nào. | |
| **HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP** | | |
| **\* Nhiệm vụ: Kĩ thuật viết tích cực**  **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ:**  *.**Theo em, những bạn học sinh như chúng ta có thể làm gì để góp phần vào việc giảm thiểu biến đổi khí hậu trên toàn cầu? Trả lời bằng một đoạn văn khoảng từ 8 – 10 dòng.*  **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ**  - Học sinh xác định yêu cầu của đề, định hướng cách làm bài, rồi viết đoạn văn.  - Giáo viên gợi ý học sinh về yêu cầu đoạn văn.  **Bước 3: Báo cáo, thảo luận**  - Học sinh báo cáo theo từng bước: Xác định đề - tìm ý- viết đoạn văn  - Trình bày đoạn văn hoàn chỉnh.  **Bước 4: Kết luận, nhận định (GV)**  Học sinh đánh giá điểm bài viết theo Rubrics. | |  |
| **HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG** | | |
| **Bước 1: GV giao nhiệm vụ:** Đề bài: *Thiết kế một poster hoặc infographic để trình bày một số vấn đề cấp bách về biến đổi khí hậu ở Việt Nam trong bối cảnh hiện nay.*  **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ:**  - HS thực hiện nhiệm vụ trao đổi, thảo luận tìm ý tưởng.  - HS thiết kế sản phẩm sáng tạo để giới thiệu thông tin về *một số vấn đề cấp bách về biến đổi khí hậu ở Việt Nam trong bối cảnh hiện nay.*  **Bước 3: Báo cáo, thảo luận:**  **-** GV gọi 1 số HS báo cáo sản phẩm học tập.  - Các HS khác lắng nghe, nhận xét, bổ sung.  **Bước 4: Kết luận, nhận định:** GV nhận xét, kết luận | |  |





**Rubric đánh giá sản phẩm poster hoặc infographic:**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Mức độ**  **Tiêu chí** | **Mức 1** | **Mức 2** | **Mức 3** |
| **Hình thức (5 điểm)** | Chưa thật khoa học, bắt mắt, kênh hình và kênh chữ chưa hài hoà  ( 1 điểm) | Khoa học, hài hoà về kênh hình và kênh chữ nhưng chưa thật nổi bật, chưa có sự ấn tượng, sáng tạo   (2 - 3 điểm) | Khoa học, sáng tạo, bắt mắt, hài hoà về kênh hình và kênh chữ  (4 - 5 điểm) |
| **Nội dung**  **(5 điểm)** | Nêu được những hiểu biết cơ bản về biến đổi khí hậu ở Việt Nam  ( 1 điểm) | Nêu được những hiểu biết cơ bản về biến đổi khí hậu ở Việt Nam bằng các thông tin nổi bật, đầy đủ.   (2 - 3 điểm) | Nêu được và có cách phân tích, lí giải sâu sắc về biến đổi khí hậu ở Việt Nam.  (4-5 điểm) |

**Tiết 77**

**Đọc kết nối chủ điểm:**

**NHỮNG ĐIỀU CẦN BIẾT ĐỂ AN TOÀN GIAO TRONG KHÔNG GIAN MẠNG**

**(DÀNH CHO TRẺ EM VÀ NGƯỜI SẮP THÀNH NIÊN)**

**( UNICEF Việt Nam)**

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG GV VÀ HS** | | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** | | |
| **KHỞI ĐỘNG** | | | | |
| **Bước 1: GV giao nhiệm vụ:**  HS treo sản phẩm sơ đồ tư duy với chủ đề “Lợi ích to lớn và những tác hại khó lường của mạng internet đối với học sinh hiện nay” (Nhiệm vụ được giao từ cuối tiết học trước).  Đại diện 1 – 2 nhóm thuyết trình về sản phẩm học tập của nhóm.  **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ:** HS treo sản phẩm, thuyết trình theo yêu cầu của GV. **Bước 4: Đánh giá, kết luận:** Nhận xét câu trả lời của HS, kết nối hoạt động hình thành kiến thức mới:  *Qua những sơ đồ tư duy đẹp mắt, khoa học mà các em đã thực hiện, chúng ta đã một phần nào đó hiểu được về những lợi ích to lớn và những hậu quả khó lường mà mạng internet mang đến cho cuộc sống của chúng ta nói chung và các thế hệ học sinh nói riêng. Vậy khi sử dụng mạng internet chúng ta thường gặp phải những rủi ro nào và làm thế nào để hạn chế được những rủi ro đó? Để trả lời được câu hỏi này, chúng ta cùng đi đọc hiểu VB Đọc kết nối chủ điểm ngày hôm nay: “Những điều cần biết để an toàn trong không gian mạng (Dành cho trẻ em và người sắp thành niên)”* | | |  | |
| **HOẠT ĐỘNG HÌNH THÀNH KIẾN THỨC MỚI** | | | | |
| **I. Hướng dẫn tìm hiểu chung**  **Bước 1. Chuyển giao nhiệm vụ:**  - GV hướng dẫn HS đọc.  - GV hướng dẫn HS tìm hiểu chung về tác giả, tác phẩm qua các câu hỏi (HS suy nghĩ và trả lời cá nhân):  **Câu 1**:  ? Hãy cho biết vài nét về xuất xứ, đề tài của VB.  **Câu 2**:  ? Tác giả đã sử dụng thể loại và PTBĐ nào?  **Bước 2. HS thực hiện nhiệm vụ**  GV hướng dẫn HS thực hiện lần lượt từng yêu cầu.  HS thực hiện.  **Bước 3. Báo cáo, thảo luận**  - GV mời 1 HS đọc VB  - GV mời 1 -2 HS trả lời câu hỏi  - HS khác nhận xét, bổ sung  **Bước 4. Kết luận/nhận định:**   * GV nhận xét mức độ đạt được về kiến thức, kĩ năng của từng câu trả lời, về thái độ làm việc khi thảo luận của HS.   . **\* Hướng dẫn HS tìm hiểu nội dung VB:**  **Bước 1: GV giao nhiệm vụ:**  **Thảo luận nhóm theo cặp đôi để trả lời các câu hỏi 1, 2, 3, 4 (sgk, tr.14, 15)**  **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ:**  - Cặp đôi trao đổi, thảo luận theo yêu cầu.  **Bước 3: Báo cáo, thảo luận:**  - GV gọi một số đại diện các cặp đôi chia sẻ, trình bày kết quả.  - Các cặp đôi khác nhận xét, bổ sung.  **Bước 4: Đánh giá, kết luận**  **Bước 4: Kết luận, nhận định:**  GV nhận xét và chuẩn hoá kiến thức | **I. Trải nghiệm cùng văn bản:**  **1. Đọc văn bản**  ***2.. Xuất xứ và thời gian ra đời***  *-* Theo *Những điều cần biết đẻ an toàn trong không gian mạng,* [*https://www.unicef.org*](https://www.unicef.org)*, ngày 20/9/2020)*  ***3.  Đề tài:* An toàn trong không gian mạng**  ***c. Thể loại, phương thức biểu đạt:***  ***- Thể loại:*** VB thông tin  - ***Phương thức biểu đạt chính:***Thuyết minh    **II. Suy ngẫm và phản hồi:**  **1. Những rủi ro và nguy cơ tiềm ẩn của không gian mạng và những lưu ý khi sử dụng không gian mạng**  **Câu 1:** Những rủi ro và nguy cơ tiềm ẩn trên không gian mạng:Thông tin xấu, độc hại; bắt nạt trên mạng; xâm phạm đời tư; xâm hại tình dục.  **Câu 2:** Để tránh gặp phải rắc rối khi sử dụng không gian mạng, các em cần lưu ý:  - Không làm quen, trò chuyện với người lạ; không chia sẻ thông tin cá nhân lên mạng, nhất là những hình ảnh nhạy cảm, tâm trạng riêng tư.  - Không sử dụng các trang mạng, phần mềm,… mà các em nghi ngờ là xấu, không chia sẻ định vị khi sử dụng các ứng dụng trên mạng.  - Thông báo với bố mẹ, thầy cô, những người tin tưởng,… khi gặp rắc rối để được tư vấn, giúp đỡ.  - Kiềm chế, cân nhắc, suy nghĩ kĩ trước khi chia sẻ, bình luận,… khi tham gia mạng xã hội.  **2. Phương tiện phi ngôn ngữ được sử dụng trong văn bản**  **Câu 3:**  - Các phương tiện phi ngôn ngữ được sử dụng bao gồm: *sơ đồ, hình ảnh, từ ngữ in đậm*.  - Vai trò: Làm rõ các thông tin cơ bản của VB; nhấn mạnh những từ khoá quan trọng; làm cho VB thêm sinh động, hấp dẫn. | | | |
| **HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP** | | | | |
| **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ học tập**  **Yêu cầu:** Viết đoạn văn (khoảng 7 – 9 câu) chia sẻ suy nghĩ về một không gian mạng văn hóa.  **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ**   * HS tích cực viết đoạn. * GV động viên, khích lệ.   **Bước 3: Báo cáo, thảo luận**  **Bước 4: Kết luận, nhận định**  GV cung cấp bảng kiểm đánh giá đoạn văn:  ***Bảng kiểm kĩ năng viết đoạn văn:***   |  |  |  |  |  | | --- | --- | --- | --- | --- | | **STT** | **Tiêu chí** | | **Đạt** | **Chưa đạt** | | **1** | Đảm bảo hình thức đoạn văn với dung lượng khoảng 7 – 9 câu. | |  |  | | **2** | | Đoạn văn đúng chủ đề: Không gian mạng văn minh, văn hóa |  |  | | **3** | Đoạn văn đảm bảo tính liên kết giữa các câu trong đoạn văn. | |  |  | | **4** | Đoạn văn đảm bảo về yêu cầu về chính tả, cách sử dụng từ ngữ, ngữ pháp. | |  |  | | | | |  |
| **HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG** | | | | |
| - **Bước 1: GV giao nhiệm vụ:**  **Cho HS xem video phòng chống bắt nạt trên mạng cho trẻ em: https://www.youtube.com/watch?v=H4VyukbNtlQ**  **GV đặt câu hỏi:** Qua video trên và những kiến thức hiểu biết của bản thân,em biết gì về hiện tượng bắt nạt trên mạng? Cần làm gì để bảo vệ bản thân và những người xung quanh trước hiện tượng này.  **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ**  Học sinh suy nghĩ, trả lời câu hỏi.  **Bước 3: Báo cáo, thảo luận**  GV gọi một số HS chia sẻ câu trả lời.  Các HS nhận xét, bổ sung  **Bước 4: Kết luận, nhận định (GV)**  GV nhận xét, đánh giá  **\* Gợi ý sản phẩm:**  - Hiện tượng bắt nạt trên mạng: Là hiện tượng các em bị cư dân mạng chế giễu, chỉ trích, miệt thị hay bình luận ác ý. Thậm chí các em có thể bị công kích, đe doạ hoặc xuyên tạc các thông tin, hình ảnh có liên quan đến các em.  - Những việc cần làm khi bị bắt nạt trên mạng:  + Nhận thức rõ đó là hành vi xấu, phạm pháp.  + Chia sẻ với gia đình, người thân: Gia đình chỗ dựa tinh thần tốt nhất khi gặp khó khăn, trở ngại trong cuộc sống. Đồng thời, người lớn sẽ có thể đưa ra những lời khuyên hữu ích để giúp bạn xử lý tình huống khi bị đe dọa, uy hiếp, hạ nhục,...  + Lưu giữ lại bằng chứng: Bắt nạt trực tuyến sẽ để lại dấu vết kỹ thuật số, việc lưu giữ và cung cấp bằng chứng có thể góp phần tìm ra người bắt nạt và giúp ngăn chặn hành vi này.  + Báo cáo nội dung xấu, chặn tài khoản:Cách đơn giản nhất để ngăn chặn bắt nạt trực tuyến là chặn các tài khoản mạng xã hội của người bắt nạt, đồng thời báo cáo xấu về nội dung mà họ đăng tải, để đối tượng xấu không thể tiếp cận bạn nữa.  + Nâng cao an toàn trực tuyến:Nên điều chỉnh quyền riêng tư, nâng cao tính bảo mật của các trang mạng xã hội đang sử dụng để tránh bị lạm dụng. Suy nghĩ thận trọng trước khi chia sẻ thông tin cá nhân hoặc ảnh/video cho ai đó.  + Trình báo cơ quan chức năng:Đối với các hành vi, lời nói xúc phạm hoặc vu khống làm ảnh hưởng nghiêm trọng đến danh dự, công việc, thiệt hại tài sản thì cần trình báo lên cơ quan chức năng để được điều tra và xử lý nghiêm minh. | |  | | |

\****Rubric đánh giá sản phẩm hoạt động vận dụng, liên hệ:***

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Mức độ**  **Tiêu chí** | **Mức 1** | **Mức 2** | **Mức 3** |
| Vẽ tranh minh hoạ về nội dung bài thơ  **(10 điểm)** | Các bức tranh với nhiều đường nét đẹp, phong phú, hấp dẫn.  (8 -10 điểm) | Các nét vẽ đẹp nhưng các bức tranh chưa thật phong phú.  (5-7 điểm) | Các nét vẽ không đẹp và các bức tranh còn đơn điệu về hình ảnh, màu sắc.  ( dưới 5 điểm) |
| Đọc diễn cảm/ ngâm thơ  **(10 điểm)** | Phát âm chuẩn, ngắt nghỉ đúng chỗ; tốc độ đọc phù hợp, ngữ điệu lên xuống giọng truyền cảm, phù hợp  (8 -10 điểm) | Phát âm chuẩn, ngắt nghỉ đúng chỗ; tốc độ đọc phù hợp nhưng ngữ điệu lên xuống giọng còn chưa hợp lí ở một số chỗ.  (5-7 điểm) | Đúng phát âm, tốc độ đọc chưa hợp lí; ngắt nghỉ chưa đúng nhiều chỗ, ngữ điệu chưa đúng  ( dưới 5 điểm) |

**Tiết: 78,79**

**4. THỰC HÀNH TIẾNG VIỆT**

**(Lựa chọn câu đơn-câu ghép, các kiểu câu ghép và các phương tiện nối các vế câu ghép)**

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG GV VÀ HS** | | | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** | |
| **KHỞI ĐỘNG** | | | | |
| **B1: Chuyển giao nhiệm vụ**  GV hướng dẫn HS làm việc cá nhân, xác định số lượng cụm chủ ngữ vị ngữ trong ngữ liệu dưới đây.   |  |  | | --- | --- | | **Ngữ liệu** | **Số lượng cụm chủ - vị** | | Cô Mắt, cậu Chân, cậu Tay, bác Tai, lão Miệng từ xưa vẫn sống với nhau rất thân thiết. |  | | Bởi tôi ăn uống điều độ và làm việc có chừng mực nên tôi chóng lớn lắm. |  | | Một hôm Thuyên, Đồng rủ nhau đi chơi thật xa, nhưng đến giữa trưa thì lạc mất đường về nên hai người phải ghé vào cái quán gần đấy để hỏi đường, luôn tiện để ăn cho đỡ đói. |  | | Mặt ao sóng sánh, một mảnh trăng bồng bềnh trên mặt nước. |  | | Mùa thu năm 1929, Lý Tự Trọng về nước, được giao nhiệm vụ làm liên lạc, chuyển và nhận thư từ, tài liệu trao đổi với các đảng bạn qua đường tàu biển. |  | | Ngày nào cũng vậy, suốt buổi, tôi chui vào trong cùng hang, hì hục đào đất để khoét một cái ổ lớn, làm thành cái giường ngủ sang trọng. |  |   **B2: Thực hiện nhiệm vụ**  HS hướng lên màn hình, suy nghĩ độc lập.  **B3: Báo cáo thảo luận**  HS giơ tay trả lời.  HS khác nhận xét, bổ sung  **Gợi ý sản phẩm:**   |  |  | | --- | --- | | **Ngữ liệu** | **Số lượng cụm chủ - vị** | | Cô Mắt, cậu Chân, cậu Tay, bác Tai, lão Miệng từ xưa vẫn sống với nhau rất thân thiết. | 1 | | Buổi tôi ăn uống điều độ và làm việc có chừng mực nên tôi chóng lớn lắm. | 2 | | Một hôm Thuyên, Đồng rủ nhau đi chơi thật xa, nhưng đến giữa trưa thì lạc mất đường về nên hai người phải ghé vào cái quán gần đấy để hỏi đường, luôn tiện để ăn cho đỡ đói. | 2 | | Mặt ao sóng sánh, một mảnh trăng bồng bềnh trên mặt nước. | 2 | | Mùa thu năm 1929, Lý Tự Trọng về nước, được giao nhiệm vụ làm liên lạc, chuyển và nhận thư từ, tài liệu trao đổi với các đảng bạn qua đường tàu biển. | 1 | | Ngày nào cũng vậy, suốt buổi, tôi chui vào trong cùng hang, hì hục đào đất để khoét một cái ổ lớn, làm thành cái giường ngủ sang trọng. | 1 |   **B4: Kết luận, nhận định**  **Dẫn vào bài:** *Trong bài tập trên,* *những câu có 1 cụm chủ vị là câu đơn, những câu có 2 cụm chủ - vị là câu ghép. Vậy để hiểu thêm về câu đơn – câu ghép, các kiểu câu ghép và các phương tiện nối các vế câu ghép, chúng ta cùng tìm hiểu bài Thực hành tiếng Việt ngày hôm nay.* | | | |  |
| **HOẠT ĐỘNG HÌNH THÀNH KIẾN THỨC MỚI**   |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  | | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | | **PHT 01:**  Nối các khái niệm ở cột A với các nội dung ở cột B sao cho phù hợp:   |  |  | | --- | --- | | A | B | | 1. Câu đơn | a. là câu ghép mà các vế có quan hệ đẳng lập, không phụ thuộc vào nhau, giữa các vế thường có quan hệ ý nghĩa: liệt kê, lựa chọn, tiếp nối, đối chiếu. | | 2. Câu ghép | b. là câu ghép mà giữa các vế không có từ ngữ liên kết, chỉ dùng dấu phẩy (,), dấu chấm phấy (;), dấu hai chấm (:) để ngăn cách các vế. | | 3. Câu ghép đẳng lập | c. là câu có một cụm chủ ngữ-vị ngữ nòng cốt, để biểu thị một phán đoán đơn. | | 4. Câu ghép chính phụ | d. là câu có 2 cụm chủ ngữ - vị ngữ nòng cốt trở lên, để biểu thị một phán đoán phức hợp, thể hiện một quá trình tư duy và thông báo có tính chất phức hợp | | 5. Câu ghép có từ ngữ liên kết | d. là câu ghép mà giữa các vế câu được liên kết với nhau bằng các kết từ (*và, rồi, hay, còn…),* các cặp kết từ (*vì…nên, nếu…thì, tuy…nhưng,…),* hoặc các cặp từ ngữ hô ứng như *càng…càng, vừa…vừa, mới…đã, bao nhiêu…bấy nhiêu, nào…ấy,…* | | 6. Câu ghép không có từ ngữ liên kết | e. là câu ghép mà các vế có quan hệ phụ thuộc nhau, giữa các vế thường có quan hệ ý nghĩa; nguyên nhân - kết quả; điều kiện/giả thiết – kết quả; nhượng bộ - tương phản; mục đích – sự kiện. | |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  | | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | | **PHT 02**  Nối các ví dụ ở cột B với các kiểu câu ở cột A sao cho phù hợp: (Lưu ý một ví dụ có thể nối với nhiều loại câu).   |  |  | | --- | --- | | A | B | | 1. Câu đơn | a. Vì trời mưa to nên đường bị ngập. | | 2. Câu ghép đẳng lập có quan hệ liệt kê | b. Cô giáo giảng bài, học sinh chăm chú lắng nghe. | | 3. Câu ghép đẳng lập có quan hệ lựa chọn | c. Nếu ngày mai thời tiết đẹp thì chúng tôi sẽ đi du lịch. | | 4. Câu ghép đẳng lập có quan hệ tiếp nối | d. Bạn làm hoặc mình làm. | | 5. Câu ghép đẳng lập có quan hệ đối chiếu | e. Tuy trời mưa to nhưng nó vẫn đi học. | | 6. Câu ghép chính phụ có quan hệ nguyên nhân - kết quả | f. Để trường lớp luôn sạch đẹp, chúng ta cần có ý thức giữ gìn vệ sinh chung. | | 7. Câu ghép chính phụ có quan hệ điều kiện/giả thiết – kết quả | g. Trời tắt nắng rồi mây đen kéo đến. | | 8. Câu ghép chính phụ có quan hệ nhượng bộ - tương phản | h. Phòng khách thì rộng còn phòng ngủ thì chật. | | 9. Câu ghép chính phụ có quan hệ mục đích – sự kiện. | i. Nam học tập chăm chỉ | | 10. Câu ghép có từ ngữ liên kết | k. “Mị nín khóc, Mị lại bồi hồi.” (Tô Hoài). | | 11. Câu ghép không có từ ngữ liên kết | h. “Dù cuộc sống có nhiều vất vả, Lê cũng có một cái gia đình." (Nguyễn Minh Châu). | | | | | | |
| **\*Tìm hiểu về lựa chọn câu đơn, câu ghép; lựa chọn các kiểu câu ghép và phương tiện nối các vế câu ghép**  **NV1: Tìm hiểu ví dụ**  **Bước 1. Chuyển giao nhiệm vụ:**  - Đọc lại phần *Tri thức Ngữ văn,* mục *Lựa chọn câu đơn – câu ghép, các kiểu câu ghép và các phương tiện nối các vế câu ghép.*  - Yêu cầu HS gấp sgk lại, thảo luận theo nhóm bàn, hoàn thành PHT 01, 02:  + Các bàn ở dãy 1: PHT 01  + Các bàn ở dãy 2: PHT 02  **Bước 2. Thực hiện nhiệm vụ**  HS suy nghĩ và thảo luận theo nhóm bàn.  **Bước 3. Báo cáo, thảo luận**:   * Đại diện HS trả lời miệng, trình bày kết quả. * Các HS khác nhận xét, bổ sung.   **Bước 4. Đánh giá, kết luận**   GV nhận xét, chuẩn kiến thức.  GV khái quát lại các kiến thức lựa chọn câu đơn – câu ghép; lựa chọn các kiểu câu ghép và các phương tiện nối các vế câu ghép. | | **I. Tri thức tiếng Việt 1. Lựa chọn câu đơn – câu ghép**  - Trong thực tế giao tiếp, tuỳ vào mục đích khác nhau, người nói/ người viết, có thể lựa chọn sử dụng câu đơn – câu ghép, lựa chọn các kiểu câu ghép và các phương tiện nối các vế của câu ghép.  - Câu đơn: Câu có một cụm chủ ngữ - vị ngữ nòng cốt để biểu thị một phán đoán đơn.  - Câu ghép: Câu có hai cụm chủ ngữ - vị ngữ nòng cốt để biểu thị một phán đoán phức hợp, thể hiện một quá trình tư duy và thông báo có tính chất phức hợp.  **2. Lựa chọn các kiểu câu ghép và các phương tiện nối các vế câu ghép:**  - Dựa vào quan hệ giữa các vế, có thể chia câu ghép thành hai loại:  + Câu ghép đẳng lập: Các vế của câu ghép đẳng lập; không phụ thuộc nhau; giữa các vế của câu ghép đẳng lập thường có quan hệ ý nghĩa: liệt kê; lựa chọn; tiếp nối; đối chiếu.  + Câu ghép chính phụ: Các vế của câu có quan hệ phụ thuộc nhau; giữa các vế câu ghép chính phụ thường có quan hệ ý nghĩa: nguyên nhân – kết quả; điều kiện/giả thiết – kết quả; nhượng bộ - tương phản; mục đích – sự kiện.  - Dựa vào phương tiện nối các vế, có thể chia câu ghép thành 2 loại:  + Câu ghép có từ ngữ liên kết: giữa các vế được nối bởi các kết từ (*và, rồi, hãy, còn,…),* các cặp kết từ *(vì..nên, nếu…thì, tuy…nhưng,…),* các cặp từ ngữ hô ứng *(càng…càng, vừa…vừa, mới…đã, bao nhiêu…bấy nhiêu, nào…ấy,…)*  + Câu ghép không có từ ngữ liên kết.  - Khi cần sử dụng câu ghép, tuỳ vào quan hệ giữa các vế (đẳng lập/ chính phụ), tuỳ vào mối liên hệ ý nghĩa giữa các vế (liệt kê, lựa chọn, nguyên nhân – kết quả, mục đích – sự kiện,…) mà chúng ta lựa chọn kiểu câu ghép nào, từ đó, lựa chọn phương tiện nối các vế câu cho phù hợp. | | |
| **HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP** | | | | |
| **Hướng dẫn HS thực hành BT1, BT2, BT3:**  **Bước 1: GV giao nhiệm vụ:**  GV chia lớp thành 6 nhóm:  - Nhóm 1, 2: Bài tập 1.  - Nhóm 3, 4: Bài tập 2  - Nhóm 5, 6: Bài tập 3  **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ:**  - HS thực hiện nhiệm vụ theo yêu cầu  GV hỗ trợ, khuyến khích.  **Bước 3: Báo cáo, thảo luận:**  HS lần lượt treo tờ A0 bài làm của mình lên bảng.  **Bước 4: Kết luận, nhận định:** GV nhận xét và chỉnh sửa, bổ sung (nếu cần | | **II. Thực hành tiếng Việt**  **Bài tập 1/SGK/15**  a. (1) *Đặc trưng của toàn cầu hoá* (CN) / *là sự đón nhận và trân trọng đóng góp của tất cả các dân tộc trong bản hoà ca của nhân loại* (VN).  (2) *Ở đó* (trạng ngữ), *người ta* (CN) / *chia sẻ giá trị của mình vào cái chung, tạo nên một bức tranh lớn đa sắc màu nhưng vẫn nhất quán và đầy tính nhân bản* (VN).  (3) *Nhiều ý kiến* (CN) / *cho rằng khi “thế giới phẳng”, các nền văn hoá giao thoa sẽ dần hoà lẫn với nhau, mỗi người đều giống hệt nhau và mất đi đặc trưng của dân tộc mình* (VN).  **Ghi chú:** Trong phần vị ngữ có các cụm chủ – vị nhỏ: khi “*thế giới phẳng* (trạng ngữ), *các nền văn hoá giao thoa* (CN1)/ *sẽ dần hoà lẫn với nhau* (VN1), *mỗi người* (CN2) / *đều giống hệt nhau và mất đi đặc trưng của dân tộc mình* (VN2).  (4) *Điều đó* (CN1) / *là không đúng* (VN1), *bởi mỗi công dân, mỗi dân tộc* (CN2) / *là một mảnh ghép vừa vặn trong bức tranh chung của nhân loại nhưng vẫn mang trong mình một sắc màu đặc trưng của dân tộc* (VN2).  => Như vậy, câu (1), (2), (3) là câu đơn; câu (4) là câu ghép.  b. Tác dụng của việc lựa chọn câu đơn, câu ghép trong đoạn trích trên:  - Câu (1), (2) và (3) biểu thị một phán đoán đơn giản nên người viết lựa chọn câu đơn là phù hợp. Tuy nhiên, GV cần lưu ý với HS câu (2) và câu (3) cũng có cấu tạo không hoàn toàn đơn giản. Ở câu (2), vị ngữ có cấu tạo từ nhiều cụm động từ: “chia sẻ giá trị của mình vào cái chung, tạo nên một bức tranh lớn đa sắc màu nhưng vẫn nhất quán và đầy tính nhân bản”. Ở câu (3), trong phần vị ngữ có nhiều cụm chủ - vị nhỏ (như đã phân tích ở trên).  - Câu (4) biểu đạt một thông báo có tính chất phức hợp: vừa chỉ ra ý kiến nêu ở câu (3) là không đúng vừa giải thích lí do nên người viết sử dụng câu ghép là phù hợp.  **Bài tập 2/SGK/15**  a. Nhận xét về cấu trúc của các câu in đậm trong đoạn trích: Các câu in đậm trong đoạn trích đều là câu đơn, có cấu trúc tương đồng (phương thức lặp cấu trúc).  b. Tác giả lựa chọn cấu trúc câu như vậy nhằm nhấn mạnh cả đất trời, tạo vật đều đang “sang thu”; tác động mạnh vào tình cảm, cảm xúc của người đọc, gây nên một không khí “sang thu”; tạo sự liên kết chặt chẽ về mặt nội dung và hình thức cho đoạn trích.  **Bài tập 3/SGK/15**  a. Đây là câu ghép chính phụ. Phương tiện nối hai vế câu là kết từ “nếu như”. Tác dụng: Biểu thị quan hệ giả thiết – kết quả. Vế câu biểu thị nội dung giả thiết là “làn gió mùa thu của tự do và công bằng không thổi tới”, vế câu biểu thị nội dung kết quả là “ngọn lửa mùa hè mang bao căm phẫn chính đáng của người da đen sẽ không bao giờ tắt nguội”.  b. Đây là câu ghép chính phụ. Phương tiện nối hai vế câu là cặp kết từ “dù cho … thì …”. Tác dụng: Biểu thị quan hệ giả thiết – kết quả. Vế câu biểu thị nội dung giả thiết là “tai hoạ có xảy ra”, vế câu biểu thị nội dung kết quả là “sự có mặt của chúng ta ở đây cũng không phải là vô ích”.  c. Đây là câu ghép đẳng lập. Phương tiện nối hai vế câu là kết từ “và”. Tác dụng: Biểu thị quan hệ liệt kê. Hai sự việc được liệt kê là: “Cái lò gạch ở cuối cánh đồng đang phun lửa sáng rực, ánh đèn ô tô ngoài đường cái quét lên nền trời những luồng ánh sáng xanh biếc”.  d. Đây là câu ghép đẳng lập. Phương tiện nối hai vế câu là dấu phẩy (,). Tác dụng: Biểu thị quan hệ tiếp nối. Sự việc đầu tiên là “bước chân của anh đặt nhẹ trên đường”, sự việc tiếp theo là “tôi cảm thấy không phải anh đang đi mà là anh lướt trên mặt đất”. | | |
| **HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG** | | | | |
| **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**  Em trao đổi với bạn cùng nhóm một bài văn nghị luận mình đã viết. Sau đó, đọc bài viết của bạn và trả lời các câu hỏi:  a. Bạn em đã sử dụng câu đơn, câu ghép hay kết hợp cả hai kiểu câu trong bài viết?  b. Việc lựa chọn cấu trúc câu như vậy có tác dụng gì?  c. Khi đọc bài viết của bạn, em thấy bạn đã lựa chọn cấu trúc câu hợp lí chưa? Nếu được phép thay đổi cấu trúc một vài câu, em sẽ thay đổi như thế nào? Vì sao?  **Bước 2:** **Thực hiện nhiệm vụ**  HS thảo luận với bạn cùng nhóm.  **Bước 3: Báo cáo thảo luận**  HS báo cáo theo nhóm.  **B4: Kết luận, nhận định** | **III. Vận dụng viết đoạn** | | | |

**Tiết 80 ĐỌC MỞ RỘNG THEO THỂ LOẠI**

**BẢN SẮC DÂN TỘC: CÁI GỐC CỦA MỌI CÔNG DÂN TOÀN CẦU**

**(Nam Lê- Như Ý)**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **KHỞI ĐỘNG** | | | |
| **HOẠT ĐỘNG GV VÀ HS** | | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** | |
| **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ: PP vấn đáp:**  ? Theo em, một công dân toàn cầu có thể có những cơ hội và thách thức gì?  **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ**  HS suy nghĩ và trả lời.  GV động viên, khuyến khích HS.  **Bước 3: Báo cáo kết quả**  HS chia sẻ những suy nghĩ của bản thân  Tham khảo những chia sẻ sau:  - Cơ hội: + Mở ra cơ hội nghề nghiệp cho giới trẻ.  + cơ hội khai phá tiềm năng của bản thân, phá vỡ rào cản để tự tin bước ra đấu trường quốc tế.  + Nâng cao trình độ do sự tiến bộ của khoa học kĩ thuật  + Tăng vốn hiểu biết về nền văn hoá, kinh tế, chính trị các nước  - Thách thức;  + Hạn chế về ngoại ngữ  + Giới trẻ cần phải có tư duy đổi mới, không ngừng sáng tạo để bắt kịp xu thế của thời đại toàn cầu hóa hiện nay.  + Một vấn đề nổi trội khác chính là việc bản sắc dân tộc có nguy cơ bị phai nhòa hoặc đánh mất do có sự xâm nhập văn hóa mạnh mẽ khi quá trình toàn cầu hóa diễn ra. Thách thức đối với nguồn nhân lực trong thời đại hiện nay là làm sao gìn giữ bản sắc dân tộc để không bị hòa tan.  => Một công dân toàn cầu cần phải tận dụng những cơ hội mà toàn cầu hóa đem lại để vượt qua những thách thức do nó tạo ra.  **Bước 4: Đánh giá, kết luận:** Nhận xét câu trả lời của HS, dẫn dắt để kết nối hoạt động hình thành kiến thức mới.  **GV dẫn vào bài**:  *Trong phần chia sẻ trên, chúng ta đã hình dung ra được những cơ hội cũng như những thách thức mà các công dân toàn cầu phải đối mặt. Nhưng trong tất cả những điều đó, chúng ta thấy được cái gốc, cái cốt lõi của công dân toàn cầu là bản sắc văn hoá. Chính bản sắc văn hoá đã giúp các công nhân toàn cầu hoà nhập nhưng không bị hoà tan. Vậy tại sao bản sắc văn hoá lại là cái gốc của công dân toàn cầu? Để tìm hiểu rõ hơn về những điều đó, chúng ta cùng đi tìm hiểu bài học ngày hôm nay: Bản sắc văn hoá: cái gốc của mọi công dân toàn cầu.* | |  | |
| **HOẠT ĐỘNG HÌNH THÀNH KIẾN THỨC MỚI**   |  |  | | --- | --- | | **PHIẾU HT 01: Tìm hiểu khái quát văn bản**  **Đọc văn bản *Bản sắc dân tộc: cái gốc của mọi công dân toàn cầu* và trả lời các câu hỏi sau:** | | | **Câu hỏi tìm hiểu** | **Trả lời** | | - Nêu xuất xứ, thời điểm ra đời (nếu có) của văn bản. | ......................... | | - Xác định thể loại, phương thức biểu đạt chính của văn bản. | ........................ | | - Nêu đề tài của văn bản. | ........................ | | - Nêu bố cục của văn bản | ………………. |  |  |  |  |  |  |  |  |  | | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | | **PHIẾU HỌC TẬP 02: HỆ THỐNG LUẬN ĐỀ, LUẬN ĐIỂM, LÍ LẼ VÀ BẰNG CHỨNG CỦA VB**   |  |  |  | | --- | --- | --- | | **Luận đề:** | **Luận điểm** | **Lí lẽ và bằng chứng** | | **Luận điểm 1:** | **- Lí lẽ:.................................**  **- Bằng chứng: .......................** | | **Luận điểm 2:** | **.........................**  **.........................** | | | | | |
| **I. Trải nghiệm cùng văn bản:**  **Tìm hiểu chung về văn bản**  **Bước 1*:* Chuyển giao nhiệm vụ:**  - GV yêu cầu HS đọc VB:  - **Thảo luận theo cặp trong 03 phút- hoàn thành Phiếu học tập 01:**  **+** *Nêu tác giả và xuất xứ của văn bản***.**  *+ Nêu thể loại và phương thức biểu đạt chính của văn bản.*  + *Xác định đề tài của văn bản. Em dựa vào đâu để xác định điều đó?*  *+ Xác định bố cục của văn bản.*  **Bước 2. HS thực hiện nhiệm vụ**  - HS đọc VB – Giải thích một vài chú thích SGK.  - GV hướng dẫn HS thực hiện lần lượt từng yêu cầu.  - HS thực hiện.  **Bước 3. Báo cáo, thảo luận**  - Đại diện 1 số cặp trình bày sản phẩm thảo luận.  - Nhóm khác nghe, bổ sung  **Bước 4. Kết luận/nhận định**      GV nhận xét mức độ đạt được về kiến thức, kĩ năng của từng câu trả lời, về thái độ làm việc khi thảo luận của HS.  **\*Hướng dẫn HS tìm hiểu văn bản**  **\*NV1: Tìm hiểu hệ thống luận đề, luận điểm, lí lẽ, bằng chứng trong văn bản:**  **Thảo luận nhóm theo kĩ thuật trạm.**  **Bước 1*:* Chuyển giao nhiệm vụ:** Lớp chia thành 4 nhóm, vượt qua hai trạm theo yêu cầu.  + Trạm 1: Xác định luận đề của văn bản, luận điểm 1 và các lí lẽ, bằng chứng làm sáng tỏ luận điểm 1.  + Trạm 2: Xác định luận đề của văn bản, luận điểm 2 và các lí lẽ, bằng chứng làm sáng tỏ luận điểm 2.  **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ học tập**  - Các nhóm tiến hành thảo luận và vượt qua hai trạm theo yêu cầu. - - Ghi sản phẩm thảo luận ra giấy A0  **Bước 3: Báo cáo kết quả**  GV mời đại diện 1 – 2 nhóm thuyết trình về sản phẩm của mình  **Bước 4: Kết luận, nhận định**  .  **\*NV2: Phân tích các lí lẽ, bằng chứng tiêu biểu**  **Bước 1*:* Chuyển giao nhiệm vụ:**  HĐ Theo nhóm 2 bàn (kĩ thuật khăn trải bàn), thảo luận trả lời các câu hỏi:  - Em có nhận xét gì về cách tác giả triển khai bằng chứng trong văn bản.  - Nhận xét về tính đúng – sai của ý kiến: “Một người công dân toàn cầu thực sự sẽ bổ sung giá trị văn hoá truyền thống của dân tộc mình vào nền văn hoá chung toàn cầu”. Lấy ví dụ chứng minh.  **Bước 2: Các nhóm thực hiện nhiệm vụ:**  - HS trao đổi, thảo luận.  **Bước 3: Báo cáo, thảo luận:**  -GV gọi một số nhóm chia sẻ, trình bày kết quả.  - Nhóm khác bổ sung, nhận xét.  **Bước 4. Kết luận, nhận định**  - Học sinh nhận xét, bổ sung, đánh giá  - Giáo viên nhận xét, đánh giá, chốt lại kiến thức. | **I. TRẢI NGHIỆM CÙNG VĂN BẢN:**  **1. Tác giả**  ***- Tác giả***: Nam Lê – Như Ý  **2. Văn bản**  **a. Đọc văn bản.**  - Đọc  - Tìm hiểu từ khó (sgk, tr. 16, 17)  **b.*****Xuất xứ:*** Theo *Bản sắc dân tộc: cái gốc của mọi công dân toàn cầu cầu,* [*https://giaoducthoidai.vn/*](https://giaoducthoidai.vn/)*, ngày 03/11/2019)*  **c. *Thể loại*:** Văn bản nghị luận về một vấn đề đời sống  **d. *Phương thức biểu đạt chính****:* Nghị luận  **e. Đề tài:**Bản sắc văn hoá và vấn đề toàn cầu  **2. *Bố cục***: 2 phần (tương ứng với 2 luận điểm của VB)  - Phần 1: Từ đầu đến “*những thách thức lớn nhất của thế giới”*.  - Phần 2: còn lại.  **II. SUY NGẪM VÀ PHẢN HỒI:**  **1. Hệ thống luận đề, luận điểm, lí lẽ, bằng chứng của VB**  **a. Mối liên hệ giữa luận đề, luận điểm, lí lẽ, bằng chứng của VB**   |  |  |  | | --- | --- | --- | | **Luận đề: Sự dung hoà giữa giá trị truyền thống và hội nhập quốc tế đối với mỗi công dân toàn cầu** | **Luận điểm** | **Lí lẽ và bằng chứng** | | **Luận điểm 1:**  **khi một người nói rằng “tôi là công dân toàn cầu”, có nghĩa là những việc anh ta đã và đang làm góp phần làm nên một thế giới tốt đẹp hơn.** | **- Lí lẽ: - Lí lẽ:** Những công dân toàn cầu tương lai sẽ không chỉ chèo lái con tàu đất nước mà còn tham gia vào những công việc chung, ở phạm vi toàn cầu bởi lẽ họ hiểu rằng có rất nhiều vấn đề nghiêm trọng ảnh hưởng đến nhân loại và những vấn đề đó chỉ có thể được giải quyết bởi những người tin rằng bản thân thuộc về nhân loại và sẵn sàng hành động vì niềm tin đó để giải quyết những thách thức lớn nhất của thế giới. | | **Luận điểm 2: Đặc trưng của toàn cầu hoá là sự đón nhận và trân trọng đóng góp của tất cả các dân tộc trong bản hoà ca của nhân loại** | **- Lí lẽ:** người ta chỉ sẻ giá trị của mình hoà vào cái chung, tạo nên bức tranh lớn đa sắc màu nhưng vẫn nhất quán và đầy tính nhân bản. Mỗi công dân, mỗi dân tộc là một mảnh ghép vừa vặn trong bức tranh chung của nhân loại nhưng vẫn mang trong mình một sắc màu chung của dân tộc.  **- Bằng chứng**:  + Tác giả lấy dẫn chứng về các nước giữ được bản sắc văn hoá dân tộc trong bối cảnh toàn cầu hoá: Trung Quốc, các nước châu Âu, hoặc mỗi quốc gia nói chung gắn kết với nhau nhờ gốc rễ chung là văn hoá dân tộc.  + Trích lời của ông Nguyễn Sĩ Dũng, nguyên Phó chủ tịch Quốc hội. |   **b. Phân tích các lí lẽ, bằng chứng tiêu biểu**  **- Nhận xét những bằng chứng tác giả đưa ra trong VB:**  + Liệt kê các bằng chứng tác giả đưa trong VB: đã nêu ở bảng trên.  + Nhận xét: Tác giả đã sử dụng biện pháp liệt kê: Liệt kê các dẫn chứng tiêu biểu, điển hình: Trung Quốc, các nước châu Âu (người Bỉ, người Đức, Hà Lan)  => Cách triển khai này cho thấy, tác giả đã am hiểu vấn đề, làm sáng tỏ cho luận điểm 2 của VB.  - **Nhận xét, đánh giá tính đúng – sai của ý kiến tác giả đặt ra trong VB.**  + Ý kiến: “Một người công dân toàn cầu thực sự sẽ bổ sung giá trị văn hoá truyền thống của dân tộc mình vào nền văn hoá chung toàn cầu”.  => Giải thích ý kiến: Giá trị của một công dân toàn cầu thể hiện ở chỗ họ đóng góp giá trị văn hoá truyền thống dân tộc vào nền văn hoá chung toàn cầu. Biểu hiện: Giữ gìn truyền thống văn hoá dân tộc khi sinh sống ở nước ngoài, giới thiệu văn hoá truyền thống dân tộc đến bạn bè quốc tế,…  + Nhận xét: Ý kiến trên hoàn toàn đúng vì khi là một công dân toàn cầu, chúng ta “hoà nhập chứ không hoà tan’. Như lí lẽ mà văn bản đưa ra, một công dân toàn cầu là người biết đem giá trị văn hoá truyền thống của dân tộc để góp phần làm phong phú thêm bức tranh đầy sắc màu của nhân loại, chứ không phải đáng mất cội nguồn, gốc rễ của mình.  quốc tế, các thí sinh dự thi của Việt Nam đã cố gắng quảng bá văn hoá Việt Nam ra thế giới: áo dài, bánh mì, phở,… | | |
| **HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP**  **Bước 1: GV giao nhiệm vụ:** Viết ngắn: Trình bày suy nghĩ của em về ý kiến : "Một người công dân toàn cầu thực sự sẽ bổ sung giá trị văn hóa truyền thống của dân tộc mình vào nền văn hóa chung toàn cầu"  **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ:**  HS suy nghĩ và làm việc độc lập (có thể tìm hiểu trước ở nhà và lên lớp chia sẻ đoạn văn)  **Bước 3: Báo cáo, thảo luận:**  **-** GV gọi 1 số HS trình bày đoạn văn.  - Các HS khác lắng nghe, nhận xét, bổ sung.  **Bước 4: Kết luận, nhận định:** GV nhận xét và chỉnh sửa đoạn văn (nếu cần).  **- VẬN DỤNG** | | | |
| **Bước 1: GV giao nhiệm vụ:** **Câu hỏi:** *Tìm hiểu và giới thiệu với các bạn một nét đẹp văn hoá đặc trưng của Việt Nam*  **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ:**  HS suy nghĩ và làm việc độc lập (có thể tìm hiểu trước ở nhà và lên lớp chia sẻ sản phẩm với bạn)  **Bước 3: Báo cáo, thảo luận:**  **-** GV gọi 1 số HS báo cáo sản phẩm học tập.  - Các HS khác lắng nghe, nhận xét, bổ sung.  **Bước 4: Kết luận, nhận định:** GV nhận xét và chỉnh sửa đoạn văn (nếu cần). | | | **\* HS tìm hiểu và chia sẻ sản phẩm của mình.**  **Có thể kể đến một vài nét đẹp văn hoá đặc trưng của Việt Nam:**  - [Phở - nét đẹp văn hóa ẩm thực Việt Nam](https://tinhte.vn/thread/van-hoa-viet-nam-10-net-dep-truyen-thong.3753677/" \l "menuid0)  - [Áo dài - Vẻ đẹp tinh hoa của văn hóa Việt Nam](https://tinhte.vn/thread/van-hoa-viet-nam-10-net-dep-truyen-thong.3753677/" \l "menuid1)  - [Bánh mì - Hương vị của văn hóa Việt Nam](https://tinhte.vn/thread/van-hoa-viet-nam-10-net-dep-truyen-thong.3753677/" \l "menuid2)  -  [Bún chả - Nét đẹp ẩm thực mang đậm dấu ấn văn hóa Việt Nam](https://tinhte.vn/thread/van-hoa-viet-nam-10-net-dep-truyen-thong.3753677/" \l "menuid3)  - [Sơn Đoòng - Nét đẹp kỳ vĩ của thiên nhiên, niềm tự hào của văn hóa Việt Nam](https://tinhte.vn/thread/van-hoa-viet-nam-10-net-dep-truyen-thong.3753677/" \l "menuid4)  - [Vịnh Hạ Long - Nơi lưu giữ những giá trị văn hóa truyền thống Việt Nam](https://tinhte.vn/thread/van-hoa-viet-nam-10-net-dep-truyen-thong.3753677/" \l "menuid5)  -  [Nước mắm - linh hồn ẩm thực Việt Nam](https://tinhte.vn/thread/van-hoa-viet-nam-10-net-dep-truyen-thong.3753677/" \l "menuid6)  - [Rượu gạo Việt Nam - Nét đẹp văn hóa truyền thống](https://tinhte.vn/thread/van-hoa-viet-nam-10-net-dep-truyen-thong.3753677/" \l "menuid7)  - [Múa rối nước: Nét đặc sắc của văn hóa Việt Nam](https://tinhte.vn/thread/van-hoa-viet-nam-10-net-dep-truyen-thong.3753677/" \l "menuid8)  - [Cà phê Việt Nam - Đậm đà hương vị, tinh tế văn hóa](https://tinhte.vn/thread/van-hoa-viet-nam-10-net-dep-truyen-thong.3753677/" \l "menuid9)  - Văn hoá Việt Nam – đề cao văn hoá gia đình truyền thống  **Có thể tham khảo đặc trưng sau: Nền văn hóa đề cao giá trị văn hóa gia đình truyền thống**  - Đối với người Việt, giá trị văn hóa gia đình truyền thống được đúc kết từ sự thích nghi và ứng phó của dân tộc đối với tự nhiên và xã hội trước những thách thức của lịch sử. Cũng là thờ cúng tổ tiên nhưng người Việt dành tình cảm sâu nặng với tổ tiên qua các nghi thức tín ngưỡng. Trong ngôi nhà vị trí trang trọng nhất, trang trí lộng lẫy nhất là bàn thờ tổ tiên, khi đó nhiều dân tộc trên thế giới không thờ, hoặc có thờ nhưng bàn thờ người mất thường nhỏ, lại để ở góc nhà. Người Việt thờ cúng tổ tiên không giới hạn thời gian, sau 5 đời thì nhập bát nhang thờ cụ kị vào một bát nhang chính gọi là bát nhang thờ tiên tổ. Coi trọng mồ mả, giỗ kỵ ngày mất của ông bà, cha mẹ, không có tục bỏ mả, dỡ bỏ nơi thờ cúng. Suy cho cùng tôn kính tổ tiên là cách hành xử người Việt coi trọng người sinh thành ra mình.  - Văn hóa gia đình truyền thống người Việt giàu tính nhân văn như kính trọng người già, yêu quý trẻ nhỏ, đề cao tình nghĩa vợ chồng: *"Chồng em áo rách em thương, chồng người áo gấm xông hương mặc người".*Tôn trọng mẫu quyền, dù sống trong xã hội phụ quyền nhưng vai trò người Mẹ không thể thiếu trong các sinh hoạt văn hóa gia đình. Mẹ là người tay hòm chìa khóa, chủ chi và tham gia chính kiến tạo các lễ nghi văn hóa. Con cháu phải giữ được nếp nhà, hiếu thảo với cha mẹ. Anh em phải gắn bó, hòa thuận giúp nhau những lúc hoạn nạn, khó khăn, phương châm ứng xử là "chị ngã em nâng". Giá trị văn hóa gia đình truyền thống biểu hiện trong các quan hệ xã hội như gọi người lớn tuổi là ông, bà, chú, bác, cô… còn người ít tuổi hơn là em, cháu, con.  - Một trong những giá trị văn hóa truyền thống gia đình người Việt là quan niệm gia đình gắn với quốc gia - dân tộc. Người Việt coi nước là một gia đình lớn. Ký ức cội nguồn tiên tổ sâu nặng về bố Rồng (Lạc Long Quân) lấy mẹ Tiên (Âu Cơ) sinh ra một bọc (đồng bào) trăm trứng nở ra thành các dân tộc trên đất nước Việt Nam. Nước có ngày giỗ Tổ Hùng Vương (mồng 10 tháng ba âm lịch). |

**Tiết 81,82**

**B. VIẾT**

**Viết bài văn nghị luận về một vấn đề cần giải quyết**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| **KHỞI ĐỘNG** | |
| **Bước  1: Chuyển giao nhiệm vụ học tập**  Trò chơi: “Ai nhanh hơn”?  Theo em, học sinh hiện nay thường gặp phải những vấn đề nào mà chúng ta cần giải quyết?  Lớp chia thành 4 nhóm nhỏ, ghi câu trả lời vào giấy A0. Trong 3 phút, nhóm nào viết được nhiều đáp án hợp lí sẽ chiến thắng.  **Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ**  HS suy nghĩ cá nhân và trả lời.  **Bước 3:** **Báo cáo, thảo luận**  HS trả lời và chia sẻ về những vấn đề học sinh hiện nay gặp phải.  **Dự kiến sản phẩm: Những vấn đề học sinh gặp phải hiện nay:**  - Hiện tượng vứt rác bừa bão.  - Tình trạng học đối phó  - Thói quen nói chuyện riêng trong giờ học  - Tình trạng học sinh thiếu kí năng sống.  - Tình trạng học sinh nghiện game  - Thói quen sử dụng điện thoại di động tràn lan  - Học sinh thiếu kĩ năng giao tiếp  - Tình trạng bạo lực học đường,…  **Bước 4:** **Đánh giá, kết luận**  GV nhận xét, đánh giá và dẫn vào bài mới.  **=> GV dẫn vào bài mới:** *Những vấn đề học sinh thường gặp mà chúng ta vừa kể trên có thể gây nên những hậu quả khó lường. Vậy để hiểu kĩ hơn về những vấn đề đó và tìm ra những giải pháp khả thi, hợp lí để giải quyết vấn đề, cô trò chúng ta sẽ cùng đi tìm hiểu bài viết ngày hôm nay: Viết bài văn nghị luận về một vấn đề cần giải quyết.* |  |
| **HOẠT ĐỘNG HÌNH THÀNH KIẾN THỨC**   |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  | | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | | **PHT 01: PHÂN BIỆT KIỂU BÀI NGHỊ LUẬN XÃ HỘI VỀ MỘT VẤN ĐỀ CẦN GIẢI QUYẾT (LỚP 9) VỚI KIỂU BÀI NGHỊ LUẬN VỀ MỘT VẤN ĐỀ CỦA ĐỜI SỐNG (LỚP 8)**   |  |  |  | | --- | --- | --- | | Tiêu chí so sánh | Nghị luận xã hội về một vấn đề hiện tượng đời sống | Nghị luận xã hội về một vấn đề cần giải quyết | | Mục đích giao tiếp |  |  | | Đề tài của bài viết |  |  | | Hệ thống  điểm |  |  |   **PHT SỐ 1**  **QUY TRÌNH VIẾT BÀI VĂN NGHỊ LUẬN VỀ MỘT VẤN ĐỀ**  **CẦN GIẢI QUYẾT**   |  |  |  | | --- | --- | --- | | **Quy trình viết** | **Thao tác cần làm** | **Lưu ý** | | Bước 1: Chuẩn bị trước khi viết | Xác định mục đích, người đọc  … | … | | Xác định đề tài  … | … | | Thu thập tư liệu  … | … | | Bước 2: Tìm ý và lập dàn ý | Tìm ý  … | … | | Lập dàn ý  … | … | | Bước 3: Viết bài | … | … | | Bước 4: Xem lại và chỉnh sửa, rút kinh nghiệm | Xem lại và chỉnh sửa  … | … | | Rút kinh nghiệm  … | … | | | |
| **HOẠT ĐỘNG CẶP ĐÔI CHIA SẺ:**  **\* Bước 1: GV giao nhiệm vụ:**  + *Thế nào là viết một bài văn nghị luận về một vấn đề cần giải quyết?*  *+ Nêu các yêu cầu đối với kiểu bài văn nghị luận về một vấn đề cần giải quyết?*  *+ Bố cục bài viết gồm mấy phần? Nêu nội dung của từng phần.*  **Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ:**  + Tổ chức chia sẻ cặp đôi theo câu hỏi (dựa vào phần định hướng trong SGK)  + GV quan sát, khuyến khích  **Bước 3: Báo cáo, thảo luận**  + Đại diện một số cặp đôi phát biểu.  + Các HS còn lại lắng nghe, nhận xét, bổ sung nếu cần.  **Bước 4: Đánh giá, chuẩn kiến thức**  **HOẠT ĐỘNG CẶP ĐÔI CHIA SẺ:**  **\* Bước 1: GV giao nhiệm vụ:**  Các cặp đôi hoàn thành PHT 01.  **Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ:**  + Tổ chức chia sẻ cặp đôi theo yêu cầu.  + GV quan sát, khuyến khích  **Bước 3: Báo cáo, thảo luận**  + Đại diện một số cặp đôi phát biểu.  + Các HS còn lại lắng nghe, nhận xét, bổ sung nếu cần.  **Bước 4: Kết luận/nhận định:** | **I. Tìm hiểu tri thức về kiểu bài**  **1. Khái niệm:**  *Bài văn nghị luận về một vấn đề cần giải quyết* thuộc kiểu bài nghị luận xã hội, trong đó, người viết nêu lí lẽ, bằng chứng để phân tích một vấn đề cần giải quyết, đưa ra những giải pháp khả thi, thuyết phục cho vấn đề.  **2. Yêu cầu đối với kiểu văn bản:**  - Về nội dung: xác định, phân tích được vấn đề cần giải quyết và đề xuất những giải pháp phù hợp, khả thi, thuyết phục.  - Về hình thức: lập luận chặt chẽ, đưa ra được lí lẽ và bằng chứng để làm sáng tỏ luận điểm; các luận điểm, lí lẽ, bằng chứng được sắp xếp theo trình tự hợp lí.  **• Bố cục bài viết cần đảm bảo**:  + Mở bài: giới thiệu vấn đề cần giải quyết, tầm quan trọng của việc khắc phục, giải quyết vấn đề.  + Thân bài: giải thích vấn đề cần giải quyết; phân tích vấn đề (thực trạng, nguyên nhân, tác hại) và đề xuất các giải pháp khả thi, thuyết phục.  + Kết bài: khẳng định lại ý thức về tầm quan trọng của việc khắc phục, giải quyết vấn đề; nêu bài học cho bản thân (về suy nghĩ, hành động).  **3. So sánh kiểu bài nghị luận xã hội về một vấn đề cần giải quyết (lớp 9) và nghị luận xã hội về một vấn đề của đời sống (lớp 8)**   |  |  |  | | --- | --- | --- | | Tiêu chí so sánh | Nghị luận xã hội về một vấn đề hiện tượng đời sống | Nghị luận xã hội về một vấn đề cần giải quyết | | Mục đích giao tiếp | Thuyết phục người đọc tin vào những quan điểm của người viết hiện tượng của đời sống | Thuyết phục người đọc về những phân tích, giải pháp đưa ra để giải quyết một vấn đề trong đời sống. | | Đề tài của bài viết | Một tình trạng, sự việc xảy ra trong đời sống (có thể tích cực, tiêu cực hoặc vừa có mặt tích cực và tiêu cực | Một vấn đề cần giải quyết, một tình thế không mong muốn, mang đến tác động tiêu cực cần phải có giải pháp khắc phục. | | Hệ thống luận điểm | - Hệ thống các luận điểm thể hiện ý kiến của người viết về hiện tượng, có thể về biểu hiện, tác động, nguyên nhân, giải pháp,…  - Các ý biểu hiện, tác động, nguyên nhân, giải pháp,…được triển khai với dung lượng và mức độ ngang hàng nhau. | - Hệ thống luận điểm cần tập trung làm rõ hai vấn đề: phân tích của người viết về vấn đề cần giải quyết và các giải pháp.  - Các ý thực trạng, tác hại, nguyên nhân là các ý nhỏ làm rõ cho luận điểm phân tích vấn đề.  - Luận điểm về giải pháp là trọng tâm của toàn bộ bài viết, cần được phân tích cụ thể, rõ ràng để thấy tính khả thi, thuyết phục của các giải pháp. | |
| **NV2:****Tìm hiểu Yêu cầu khi viết bài văn thuyết minh về một danh lam thắng cảnh hay di tích lịch sử**  **HOẠT ĐỘNG THẢO LUẬN CẶP ĐÔI**  **Bước 1: GV giao nhiệm vụ:**  Dựa vào phần Định hướng (SGK/74)  *Để viết được bài văn thuyết minh về một danh lam thắng cảnh****,*** *em thực hiện những yêu cầu gì?*  **Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ:**  - Tổ chức chia sẻ cặp đôi theo câu hỏi (dựa vào phần định hướng trong SGK)  - GV quan sát, khuyến khích  **Bước 3: Báo cáo, thảo luận**  - Đại diện một số cặp đôi phát biểu.  - Các HS còn lại lắng nghe, nhận xét, bổ sung nếu cần.  **Bước 4: Đánh giá, chuẩn kiến thức**  GV nhận xét, chuẩn kiến thức  **HOẠT ĐỘNG THẢO LUẬN THEO BÀN**  **\*Bước 1: GV giao nhiệm vụ:**  **-** GV yêu cầu HS đọc ví dụ bài văn *Những giải pháp khắc phục tình trạng tin giả trên mạng Internet.*  - GV hướng dẫn HS thảo luận các yêu cầu phân tích kiểu văn bản bằng cách trả lời các câu hỏi 1, 2, 3, 4 (tr 19, 20, sgk)  **Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ:**  + Tổ chức trao đổi theo câu hỏi, thực hiện nhiệm vụ.  +HS dự kiến câu trả lời  + GV quan sát, khuyến khích  **Bước 3: HS báo cáo kết quả và thảo luận**  +Đại diện nhóm bàn trả lời câu hỏi  +GV gọi nhóm khác nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn  **Bước 4: Đánh giá, chốt kiến thức:** GV nhận xét, đánh giá, bổ sung, chốt kiến thức, ghi lên bảng**.**  **HĐ CÁ NHÂN**  + GV hướng dẫn HS xác định mục đích viết, người đọc.  + Xác định đề tài  + Tìm ý, lập dàn ý của bài viết.  + Tiến hành viết  **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ**  HS đọc SGK, thực hiện nhiệm vụ hình thức cá nhân  **Bước 3: Báo cáo, thảo luận**  - HS chia sẻ câu trả lời.  - HS khác quan sát, nghe và nhận xét, bổ sung.  **Bước 4: Đánh giá, kết luận**  - GV nhận xét, chốt kiến thức. | - Giới thiệu rõ ràng, cụ thể về danh lam thắng cảnh hay di tích lịch sử.  - Trình bày thông tin theo một số kiểu cấu trúc như: trật tự không gian, trật tự thời gian, quan hệ nhân quả, phân loại đối tượng…  - Dùng đề mục và các dấu hiệu hình thức để làm nổi bật thông tin quan trọng.  - Sử dụng kết hợp một số phương tiện phi ngôn ngữ (sơ đồ, bảng biểu, hình ảnh…) để minh họa và làm nổi bật thông tin.  - Có thể kết hợp thuyết minh với miêu tả, biểu cảm, tự sự để hấp dẫn, thu hút người đọc.  - Trình bày thông tin chính xác, rõ ràng, hấp dẫn.  **- Cấu trúc bài viết cần đảm bảo 3 phần:**  + **Mở bài:** giới thiệu khái quát về danh lam thắng cảnh hay di tích lịch sử.  + **Thân bài**: lần lượt trình bày các thông tin về đặc điểm của danh lam thắng cảnh hay di tích lịch sử: vị trí tọa lạc, lịch sử hình thành, đặc điểm kiến trúc, cảnh quan…; giá trị văn hóa, lịch sử, cách thức tham quan…  + **Kết bài:** đánh giá khái quát về danh lam thắng cảnh hoặc di tích lịch sử; bày tỏ suy nghĩ, tình cảm về danh lam thắng cảnh hay di tích lịch sử (có thể đưa ra lời mời tham quan).  **II. Hướng dẫn phân tích kiểu văn bản**  **\* Bước 1: Đọc bài văn *Những giải pháp khắc phục tình trạng tin giả trên mạng Interner***  - Đọc bài văn (tr.19, 20, sgk)  - Xem cách nghị luận về một vấn đề cần giải quyết: *tình trạng tin giả trên mạng Internet*  **\* Bước 2:** **Nhận xét, phân tích các yêu cầu**  **Câu 1:** VB trên bàn về vấn đề hiện tượng tin giả trên Internet và những giải pháp khắc phục.  **Câu 2:** Đoạn giải thích là đoạn thứ hai trong VB. Đối với nội dung VB, việc giải thích các khái niệm quan trọng giúp thống nhất cách hiểu về vấn đề cần bàn luận, từ đó giúp người đọc hiểu rõ ràng, chính xác VB, tăng sức thuyết phục của VB.  **Câu 3:** Tác giả bài viết đã phân tích vấn đề trên các khía cạnh là thực trạng, nguyên nhân, tác hại.  **Câu 4:** Tác giả đưa ra hai giải pháp: Tuyên truyền về tác hại của tin giả và giúp mọi người hình thành kĩ năng nhận biết tin giả; mỗi cá nhân cần học cách xác thực thông tin trên mạng và chịu trách nhiệm với hành vi lan truyền thông tin. Đây là các giải pháp phù hợp, khả thi, được chỉ dẫn rõ ràng về cách thực hiện, có sự kết hợp hành động giữa cá nhân và tập thể.  **III. Tìm hiểu lí thuyết về quy trình viết**   |  |  |  | | --- | --- | --- | | **Quy trình viết** | **Thao tác cần làm** | **Lưu ý** | | **Bước 1: Chuẩn bị trước khi viết** | - Xác định mục đích của bài viết: Thuyết phục người đọc về những phân tích, giải pháp đưa ra để giải quyết vấn đề trong đời sống.  - Xác định đối tượng người đọc: thầy cô, các bạn. |  | | Xác định đề tài: một vấn đề cần có giải pháp khắc phục. | Bài viết hay hơn nêu chọn được vấn đề mà bản thân, các bạn quan tâm , gần gũi với thực tế cuộc sống. | | Thu thập tư liệu: Thu thập các bài báo, đoạn phỏng vấn, bài nghiên cứu,…liên quan đến đề tài cần viết, lập bảng thống kê tài liệu thu thập được. Ghi chép các thông tin hữu ích, những giải pháp đã thực hiện để giải quyết, khắc phục vấn đề. | Sử dụng các nguồn tài liệu tin cậy | | Bước 2: Tìm ý và lập dàn ý | |  | | --- | | Giải pháp:  - Giải pháp 1…  - Giải pháp 2…  - Giải pháp 3… |   Tìm ý: Liệt kê các ý tưởng cho bài viết dựa vào sơ đồ:   |  | | --- | | Phân tích vấn đề:  - Vấn đề diễn ra như thế nào?  - Nguyên nhân của vấn đề.  - Biện pháp khắc phục |     - Để tăng tính khả thi, thuyết phục cho các giải pháp, cần liệt kê các câu hỏi:  + Ai là người thực hiện giải pháp  + Thực hiện giải pháp như thế nào? Các bước tiến hành ra sao?  + Có phương tiện gì hỗ trợ thực hiện giải pháp.  + Những bằng chứng nào cho thấy giải pháo có hiệu quả trong thực tế. | - Có thể phân tích vấn đề trên nhiều phương diện: cá nhân- gia đình – nhà trường-xã hội, chủ quan – khách quan, trong nước – ngoài nước. | | Lập dàn ý:  - MB: + Giới thiệu vấn đề  + Nêu tầm quan trọng việc giải quyết, khắc phục vấn đề.  - TB:  + Giải thích vấn đề.  + Phân tích vấn đề:  ++ Thực trạng, nguyên nhân, hậu quả  + Nêu giải pháp khắc phục vấn đề:  ++ Giải pháp 1…  ++ Giải pháp 2… | Luận điểm giải pháp là luận điểm trọng tâm của bài viết, cần được phân tích cụ thể, rõ ràng để cho thấy tính khả thi, thuyết phục của giải pháp | | Bước 3: Viết bài | Viết bài văn hoàn chỉnh , đảm bảo đúng chính tả, từ ngữ, ngữ pháp. | - Kết hợp nêu luận điểm, lí lẽ, bằng chứng.  - Tách đoạn hợp lí, sử dụng các phương tiện liên kết để liên kết luận điểm, lí lẽ, bằng chứng.  - Có thể trích dẫn danh ngôn, nhận định để tăng sức thuyết phục cho bài viết. | | Bước 4: Xem lại và chỉnh sửa, rút kinh nghiệm | Xem lại và chỉnh sửa: Đọc lại bài viết của mình và dùng bảng kiểm dưới đây để chỉnh sửa |  | | Rút kinh nghiệm: Sau khi đọc lại bài, xem lại xem bài viết đã đạt được những yêu cầu nào? Chưa đạt được yêu cầu nào? |  | |

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP, VẬN DỤNG** | |
| **Hướng dẫn HS thực hành quy trình viết.**  **Bước 1: GV giao nhiệm vụ:**  - GV yêu cầu HS suy nghĩ để lựa chọn nội dung cho bài viết của mình bằng **kĩ thuật công não:**  + HĐ cá nhân: GV hướng dẫn HS xác định mục đích viết, người đọc.  + HĐ nhóm – xác định đề tài: Chia lớp ra làm 3 nhóm, lần lượt mỗi nhóm sẽ tìm những vấn đề đáng quan tâm để viết:  + Phát cho mỗi HS một tờ giấy ghi chú. Trong thời gian 3 phút, mỗi HS ghi lên giấy ghi chú của mình một vấn đề mà mình quan tâm. Sau đó, trong nhóm HS tự thảo luận và chọn một vấn đề hay nhất để bàn luận.  => Mỗi nhóm sẽ chọn 1 đề tài mình ưng ý nhất để tiến hành thu thập tài liệu.  + Tiếp tục HĐ nhóm để tiến hành tìm ý và lập dàn ý cho bài viết.  **Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ:**  + Tổ chức trao đổi theo câu hỏi, thực hiện nhiệm vụ.  + HS dự kiến sản phẩm  + GV quan sát  **Bước 3: HS báo cáo kết quả và thảo luận**  + HS trình bày sản phẩm.  + GV gọi HS khác nhận xét về bài viết của bạn.  **Bước 4: Đánh giá việc thực hiện nhiệm vụ:** GV lưu ý; Bài viết sẽ được đánh giá cao hơn khi bàn về những vấn đề mà bản thân và các bạn quan tâm, gần gũi với thực tế cuộc sống. | **Đề bài: *Câu lạc bộ truyền thông của trường tổ chức diễn đàn “Giúp nhau tiến bộ”, đăng những bài viết đề xuất giải pháp cho các vấn đề mà học sinh thường gặp phải. Em hãy chọn một vấn đề mà mình quan tâm, viết bài nghị luận để gửi đăng ở diễn đàn này.***   1. **Bước 1: Chuẩn bị trước khi viết**   - Xác định mục đích viết: Thuyết phục người đọc về những phân tích, giải pháp đưa ra để giải quyết một vấn đề trong đời sống.  - Người đọc: thầy, cô và các bạn trong trường.  - Xác định đề tài: Em có thể chọn một vấn đề dưới đây để bàn luận:  + Hiện tượng xả rác bừa bãi  + Tình trạng học đối phó  + Thói quen nói chuyện riêng trong giờ học  + Tình trạng học sinh thiếu kĩ năng sống  + Thói quen đi học muộn của học sinh  **Ví dụ: Chọn đề tài “Thói quen đi học muộn của học sinh”**  - Thu thập tài liệu: có thể tham khảo bài viết trên trang web của các trường, của sở GD&ĐT, qua cuộc sinh hoạt lớp khi GVCN xử lí trường hợp đi học muộn, tự phỏng vấn các bạn đi học muộn,…   1. **Bước 2:** **Tìm ý và lập dàn ý**   **\* Tìm ý:**  **- Phân tích vấn đề:**  + Vấn đề đó diễn ra phổ biến, ở hầu hết các cấp học.  + Nguyên nhân của vấn đề: thói quen và giờ giấc sinh hoạt không điều độ; sự chậm chạp, lề mề trong tác phong là nguyên nhân khiến học sinh muộn giờ vào lớp; nhà trường chưa có biện pháp xử lí nghiêm khắc, triệt để,…  + Hậu quả mà vấn đề gây ra: Việc thường xuyên đi học muộn sẽ khiến học sinh bỏ lỡ kiến thức mà thầy cô giáo giảng dạy, làm ảnh hưởng đến quá trình học của những bạn xung quanh; tình trạng đi học muộn lặp đi lặp lại nhiều lần sẽ khiến học sinh có thói quen đến muộn trong phần lớn các trường hợp khác….   |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  | | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | | **IV. Thực hành**  **Đề bài: *Câu lạc bộ truyền thông của trường tổ chức diễn đàn “Giúp nhau tiến bộ”, đăng những bài viết đề xuất giải pháp cho các vấn đề mà học sinh thường gặp phải. Em hãy chọn một vấn đề mà mình quan tâm, viết bài nghị luận để gửi đăng ở diễn đàn này.***   1. **Bước 1: Chuẩn bị trước khi viết**   - Xác định mục đích viết: Thuyết phục người đọc về những phân tích, giải pháp đưa ra để giải quyết một vấn đề trong đời sống.  - Người đọc: thầy, cô và các bạn trong trường.  - Xác định đề tài: Em có thể chọn một vấn đề dưới đây để bàn luận:  + Hiện tượng xả rác bừa bãi  + Tình trạng học đối phó  + Thói quen nói chuyện riêng trong giờ học  + Tình trạng học sinh thiếu kĩ năng sống  + Thói quen đi học muộn của học sinh  **Ví dụ: Chọn đề tài “Thói quen đi học muộn của học sinh”**  - Thu thập tài liệu: có thể tham khảo bài viết trên trang web của các trường, của sở GD&ĐT, qua cuộc sinh hoạt lớp khi GVCN xử lí trường hợp đi học muộn, tự phỏng vấn các bạn đi học muộn,…   1. **Bước 2:** **Tìm ý và lập dàn ý**   **\* Tìm ý:**  **- Phân tích vấn đề:**  + Vấn đề đó diễn ra phổ biến, ở hầu hết các cấp học.  + Nguyên nhân của vấn đề: thói quen và giờ giấc sinh hoạt không điều độ; sự chậm chạp, lề mề trong tác phong là nguyên nhân khiến học sinh muộn giờ vào lớp; nhà trường chưa có biện pháp xử lí nghiêm khắc, triệt để,…  + Hậu quả mà vấn đề gây ra: Việc thường xuyên đi học muộn sẽ khiến học sinh bỏ lỡ kiến thức mà thầy cô giáo giảng dạy, làm ảnh hưởng đến quá trình học của những bạn xung quanh; tình trạng đi học muộn lặp đi lặp lại nhiều lần sẽ khiến học sinh có thói quen đến muộn trong phần lớn các trường hợp khác….   * **Giải pháp:**   **VÍ DỤ:** **MỘT SỐ GIẢI PHÁP KHẮC PHỤC  THÓI QUEN ĐI HỌC MUỘN CỦA HỌC SINH**   |  |  |  |  |  |  | | --- | --- | --- | --- | --- | --- | | Vấn đề cần giải quyết: Tình trạng đi học muộn của HS | Người thực hiện giải pháp | Cách thức thực hiện | Công cụ/ phương pháp hỗ trợ (nếu có) | Lí giải, phân tích (nếu có) | Bằng chứng về việc áp dụng thành công (nếu có) | | HS | Đi ngủ đúng giờ bằng cách không sử dụng thiết bị điện thoại ít nhất 01 giờ trước khi ngủ | Nằm thư giãn, hít thở đều và đếm nhịp thở | Việc hít thở và đếm nhịp thở giúp tâm trí thoải mái, dễ chìm vào giấc ngủ và giúp tỉnh táo hơn vào sáng hôm sau | Các nghiên cứu khoa học về giấc ngủ | | HS | Chuẩn bị sách vở, đồ dùng học tập vào buổi tối trước khi ngủ | Sử dụng checklist để không sai sót | Giúp chủ động vào buổi sáng, không mất thời gian chuẩn bị | … | | Phụ huynh | Đánh thức HS dậy đúng giờ, hỗ trợ học sinh về việc di chuyển, trừ hao thời gian di chuyển để phòng các sự cố như tắc đường, xe cộ hư hỏng,… | X | Giúp đỡ HS thuận tiện hơn trong việc đi lại, đảm bảo giờ giấc đến lớp | X |   ***\* Lập dàn ý bằng cách dựa vào các ý đã tìm được, sắp xếp lại theo ba phần lớn của bài văn, gồm:***  - MB:  + Giới thiệu vấn đề: “Thói quen đi học muộn của học sinh”  + Nêu tầm quan trọng của việc giải quyết, khắc phục vấn đề: Thói quen này hình thành trong thời gian dài và để lại nhiều hậu quả đối với các bạn trẻ  - TB:  + Giải thích vấn đề: Thói quen đi học muộn của học sinh là việc học sinh lặp đi lặp lại hành động đến lớp không đúng thời gian quy định của nhà trường, của lớp.  + Phân tích vấn đề:  ++ Thực trạng: Ở các trường học khắp nơi, đầu mỗi buổi học không khó để bắt gặp tình trạng các bạn học sinh đi học muộn, tiếng trống báo hiệu vào lớp đã vang lên trước đó nhưng vẫn còn có nhiều bạn chưa đến trường, ở ngoài cổng trường hoặc bắt đầu vào trường.  ++ Nguyên nhân: +++Do ý thức của các bạn học sinh chưa tốt, chưa chủ động trong cuộc sống của chính mình cũng như chưa tôn trọng thời gian của mình; thói quen và giờ giấc sinh hoạt không điều độ; sự chậm chạp, lề mề trong tác phong là nguyên nhân khiến học sinh muộn giờ vào lớp;  +++ Do cha mẹ chưa thực sự quan tâm đến việc học của con em mình, chưa để HS nhận thức được tầm quan trọng của việc tiết kiệm thời gian cho con em mình.  +++ Nhà trường chưa giám sát và xử lý nghiêm khắc những trường hợp đi học muộn, tái phạm việc đi học muộn nhiều lần.  ++ Hậu quả:  +++ Việc học của các em bị trì trệ, tâm lý lo lắng, việc chủ động trong học tập chưa thực sự tốt và hiệu quả học tập từ đó sẽ bị giảm sút.  +++ Ảnh hưởng đến thầy cô, những bạn học sinh khác đã có mặt đúng giờ, ảnh hưởng đến sự thi đua, thành tích của cả lớp học.  +++ Hình ảnh đi học muộn của học sinh ngày càng phổ biến sẽ khiến cho môi trường học đường bị ảnh hưởng tiêu cực, sẽ ngày càng nhiều bạn học sinh vi phạm hơn.  + Nêu giải pháp khắc phục vấn đề:  +++ GP1: HS đi ngủ đúng giờ bằng cách không sử dụng thiết bị điện thoại ít nhất 01 giờ trước khi ngủ: Trước hết, chúng ta nằm thư giãn, hít thở đều và đếm nhịp thở. Theo các nghiên cứu khoa học về giấc ngủ, việc hít thở và đếm nhịp thở giúp tâm trí thoải mái, dễ chìm vào giấc ngủ và giúp tỉnh táo hơn vào sáng hôm sau.  +++ GP2: HS chuẩn bị sách vở, đồ dùng học tập vào buổi tối trước khi ngủ: Sử dụng checklist để không sai sót. Công việc này giúp HS chủ động vào buổi sáng, không mất thời gian chuẩn bị.  +++ GP3: Phụ huynh đánh thức HS dậy đúng giờ, hỗ trợ học sinh về việc di chuyển, trừ hao thời gian di chuyển để phòng các sự cố như tắc đường, xe cộ hư hỏng,…Việc này giúp đỡ HS thuận tiện hơn trong việc đi lại, đảm bảo giờ giấc đến lớp  +++ GP4: Nhà trường cũng cần giám sát và kỷ luật nghiêm khắc hơn nữa những học sinh có tình trạng đi học muộn nhiều lần. Việc này giúp HS tăng cường ý thức kỷ luật, thực hiện tốt hơn các quy định khác của trường  - KB:  + Khẳng định lại ý nghĩa của việc khắc phục, giải quyết vấn đề  + Rút ra bài học cho bản thân.  **3. Bước 3: Viết**  Dựa vào dàn ý, viết một bài văn hoàn chỉnh. Khi viết, cần đảm bảo yêu cầu đối với bài văn nghị luận về một vấn đề cần giải quyết. | | **4. Bước 4: Xem lại, chỉnh sửa, rút kinh nghiệm**  - Sau khi viết xong, em có thể tự chỉnh sửa bài văn dựa vào bảng kiểm.  - Tiếp tục chỉnh sửa nếu bài văn chưa thể hiện đầy đủ các yêu cầu đối với bài văn nghị luận về một vấn đề cần giải quyết.  - Chỉnh sửa lỗi chính tả, ngữ pháp. | |

**Tiết83  
 VIẾT VĂN BẢN QUẢNG CÁO HOẶC TỜ RƠI VỀ MỘT SẢN PHẨM HAY MỘT HOẠT ĐỘNG**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** | |
| **KHỞI ĐỘNG** | | |
| **:** Những hình ảnh trên là gì? Mục đích của những loại văn bản đó là gì? Những văn bản đó đem đến những thông tin gì?  **Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ**  HS suy nghĩ cá nhân và trả lời.  **Bước 3:** **Báo cáo, thảo luận**  HS trả lời và chia sẻ về những vấn đề học sinh hiện nay gặp phải.  **Dự kiến sản phẩm:**  **-** Những hìnhtrên là tờ rơi quảng cáo.  - Mục đích của những loại văn bản đó: giới thiệu về dịch vụ thực phẩm sạch của hệ thống OnFarm; giới thiệu về khoá học tiếng Anh của trường ngoại ngữ quốc tế Âu Mỹ.  - Những văn bản đó đem đến những thông tin:  + Tờ rơi quảng cáo về Thực phẩm sạch OnFarm chứa các thông tin: khái quát tên sản phẩm, cung cấp thông tin về sản phẩm, hình ảnh minh hoạ, địa chỉ, số điện thoại liên hệ.  + Tờ rơi quảng cáo khoá học tiếng Anh: Khái quát tên khoá học, cung cấp thông tin về khoá học: Chương trình học, giáo trình, phương pháp, giáo viên, nhân viên, lớp học, nhà trường và phụ huynh.  **Bước 4:** **Kết luận/nhận định**  GV nhận xét, đánh giá và dẫn vào bài mới.  **=> GV dẫn vào bài mới:** *Những văn bản trên là tờ rơi quảng cáo một hoạt động hoặc một sản phẩm. Vậy làm thế nào để viết được một văn bản quảng cáo hoặc một tờ rơi về một sản phẩm hay hoạt động?* | |  |
| **HOẠT ĐỘNG HÌNH THÀNH KIẾN THỨC** | | |
| **HOẠT ĐỘNG CẶP ĐÔI CHIA SẺ:**  **\* Bước 1: GV giao nhiệm vụ:**  + *Thế nào là viết văn bản quảng cáo hoặc tờ rơi về một sản phẩm hay một hoạt động?*  *+ Nêu các yêu cầu đối với kiểu văn bản?*  *+ Bố cục bài viết gồm mấy phần? Nêu nội dung của từng phần.*  **Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ:**  + Tổ chức chia sẻ cặp đôi theo câu hỏi (dựa vào phần định hướng trong SGK)  + GV quan sát, khuyến khích  **Bước 3: Báo cáo, thảo luận**  + Đại diện một số cặp đôi phát biểu.  + Các HS còn lại lắng nghe, nhận xét, bổ sung nếu cần.  **Bước 4: Kết luận/nhận định:** | **I. Tri thức về kiểu bài**  **1. Khái niệm:**  - *Văn bản quảng cáo* là kiểu văn bản kết hợp sử dụng phương tiện ngôn ngữ và phi ngôn ngữ nhằm thuyết phục người đọc, người xem sử dụng sản phẩm hoặc tham gia hoạt động. Văn bản này tiếp cận người đọc, người xem qua các phương tiện thông tin đại chúng (báo, tạp chí, trang thông tin điện tử,…) và các xuất bản phẩm (sách in, tranh, ảnh, tờ rơi,…)  - *Tờ rơi* là một dạng của văn bản quảng cáo, có kích thước nhỏ, được in trên một hoặc cả hai mặt của một tờ giấy (thường là khổ giấy A4, A5). Ưu điểm của quảng cáo bằng tờ rơi so với các hình thức quảng cáo khác là chi phí thấp, dễ tiếp cận người đọc, người xem.  **2. Yêu cầu đối với kiểu văn bản:**  - Về nội dung: cung cấp thông tin về ưu điểm, giá trị của sản phẩm/dịch vụ/hoạt động thông qua kênh chữ, kênh hình.  - Cách thể hiện:  + Kết hợp phương tiện ngôn ngữ và phi ngôn ngữ (hình ảnh, biểu tượng, sơ đồ,…) để biểu đạt nội dung quảng cáo.  + Ngôn ngữ ngắn gọn, sử dụng kết hợp các cách thuyết phục người đọc, người xem như: sử dụng các từ ngữ có sắc thái nghĩa tích cực để khẳng định chất lượng, tính ưu việt của sản phẩm/dịch vụ/hoạt động (ví dụ: *được chuyên gia khuyên dùng, công nghệ đột phá,…)* hoặc sử dụng tên/hình ảnh người nổi tiếng để chứng thực cho chất lượng sản phẩm/dịch vụ/hoạt động; khắc sâu tên của sản phẩm/dịch vụ/hoạt động vào trí nhớ người đọc, người xem bằng một cụm từ ngắn gọn (khẩu hiệu); khơi gợi cảm xúc tích cực ở họ (ví dụ: *Vì sức khoẻ gia định bạn,…);* phối hợp các cỡ chữ, kiểu chữ, màu sắc đậm, nhạt,…  + Sơ đồ, hình ảnh, biểu tượng,…; có đường nét, màu sắc nổi bật, tác động mạnh đến thị giác, thính giác người đọc, người xem nhằm làm rõ tính ưu việt, hữu ích của sản phẩm/dịch vụ/hoạt động.  • **Bố cục bài viết cần đảm bảo**:  - Tiêu đề: giới thiệu khái quát sản phẩm/dịch vụ/hoạt động.  - Nội dung chính: cung cấp thông tin chi tiết về sản phẩm/dịch vụ/hoạt động bằng kênh chữ, kênh hình; nêu khẩu hiệu của sản phẩm/dịch vụ hoặc thông điệp của hoạt động. | |
| **HOẠT ĐỘNG THẢO LUẬN THEO BÀN**  **\*Bước 1: GV giao nhiệm vụ:**  **-** GV yêu cầu HS đọc VB *Tờ rơi quảng cáo một hoạt động* (tr.21, sgk)  - GV hướng dẫn HS thảo luận các yêu cầu phân tích kiểu văn bản bằng cách trả lời các câu hỏi 1, 2, 3, 4 (tr.24, 25, sgk)  **Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ:**  + Tổ chức trao đổi theo câu hỏi, thực hiện nhiệm vụ.  +HS dự kiến câu trả lời  + GV quan sát, khuyến khích  **Bước 3: HS báo cáo kết quả và thảo luận**  +Đại diện nhóm bàn trả lời câu hỏi  +GV gọi nhóm khác nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn  **Bước 4: Kết luận/nhận định:** GV nhận xét, đánh giá, bổ sung, chốt kiến thức, ghi lên bảng**.**  **Hướng dẫn HS thực hành quy trình viết.**  **Bước 1: GV giao nhiệm vụ:**  - GV yêu cầu HS suy nghĩ để lựa chọn nội dung cho bài viết của mình bằng **kĩ thuật công não:**  + HĐ cá nhân: GV hướng dẫn HS xác định mục đích của tờ rơi, xác định đối tượng khách hàng hoặc người đọc tờ rơi.  + HĐ nhóm – xác định đề tài: Chia lớp ra làm 3 nhóm, lần lượt mỗi nhóm sẽ tìm những sản phẩm hay hoạt động cần quảng cáo.  + Phát cho mỗi HS một tờ giấy ghi chú. Trong thời gian 3 phút, mỗi HS ghi lên giấy ghi chú của mình một sản phẩm hay hoạt động mà mình muốn quảng cáo. Sau đó, trong nhóm HS tự thảo luận và chọn một sản phẩm hay hoạt động ấn tượng nhất để viết tờ rơi quảng cáo.  => Mỗi nhóm sẽ chọn 1 đề tài mình ưng ý nhất để tiến hành thu thập tài liệu.  + Tiếp tục HĐ nhóm để tiến hành tìm ý và lập dàn ý, thiết kế tờ rơi.  **Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ:**  + Tổ chức trao đổi theo câu hỏi, thực hiện nhiệm vụ.  + HS dự kiến sản phẩm  + GV quan sát  **Bước 3: HS báo cáo kết quả và thảo luận**  + HS trình bày sản phẩm.  + GV gọi HS khác nhận xét về bài viết của bạn.  **Bước 4: Đánh giá việc thực hiện nhiệm vụ**  **Nhiệm vụ 3: Rút kinh nghiệm**  **Bước 1: GV giao nhiệm vụ:** GV hướng dẫn HS chỉnh sửa lại bài viết theo các yêu cầu đối với kiểu VB.  **Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ:** HS xem lại và chỉnh sửa, rút kinh nghiệm.  **Bước 3: HS báo cáo kết quả và thảo luận**  **Bước 4: GV nhận xét việc thực hiện nhiệm vụ.** | **II. Hướng dẫn phân tích kiểu văn bản**  **\* Bước 1: Đọc bài văn *Tờ rơi quảng cáo một hoạt động***  - Đọc bài văn (tr.21, sgk)  - Xem cách viết tờ rơi quảng cáo.  **\* Bước 2:** **Nhận xét, phân tích các yêu cầu**  **Câu 1:** Tiêu đề của tờ rơi phù hợp với nội dung của hoạt động. Vì tiêu đề là “Học sinh trường Trung học cơ sở Hoà Bình vì đồng bào miền Trung” và nội dung của hoạt động là chương trình quyên góp lương thực, quần áo, đồ dùng học tập,… giúp đỡ đồng bào miền Trung chịu thiệt hại nặng nề do bão lũ của học sinh trường Trung học cơ sở Hoà Bình.  **Câu 2:** VB đã sử dụng những cách thức sau để thuyết phục người đọc: Sử dụng các từ ngữ có sắc thái tích cực để khẳng định ý nghĩa tốt đẹp của hoạt động (*vì đồng bào miền Trung, giúp đỡ đồng bào miền Trung chịu thiệt hại nặng nề do bão lũ*), khơi gợi cảm xúc tích cực ở người đọc bằng câu tục ngữ “Bầu ơi thương lấy bí cùng/ Tuy rằng khác giống nhưng chung một giàn”, sử dụng phối hợp các cỡ chữ, kiểu chữ, màu sắc đậm, nhạt…; sử dụng các hình ảnh quần áo, lương thực, dụng cụ học tập, biểu tượng trái tim có màu sắc, đường nét nổi bật nhằm tác động mạnh vào thị giác của người đọc để làm rõ tính chất cần thiết và hữu ích của hoạt động.  **Câu 3:** Các kiểu chữ, cỡ chữ, màu sắc chữ trong VB quảng cáo được sử dụng hài hoà, hiệu quả và phù hợp với nội dung. Ví dụ: VB sử dụng kiểu chữ in hoa, cỡ lớn, màu sắc nổi bật cho tiêu đề, nội dung của hoạt động và câu nêu thông điệp của hoạt động; sử dụng kiểu chữ thường, cỡ nhỏ, chữ màu xanh nhạt để trình bày thông tin về địa điểm, thời gian tổ chức hoạt động.  **Câu 4:** Tác dụng của việc sử dụng kết hợp ngôn ngữ và hình ảnh minh hoạ trong VB: Tăng tính trực quan, tăng cường tính hấp dẫn, thu hút sự chú ý của người đọc.  **IV. Thực hành**  **Đề bài: Hãy thiết kế tờ rơi quảng cáo một sản phẩm hay một hoạt động, sử dụng kết hợp phương tiện ngôn ngữ và phương tiện phi ngôn ngữ.**  **Bước 1: Chuẩn bị trước khi thiết kế**  - Xác định sản phẩm hay hoạt động cần quảng cáo.  - Xác định mục đích của tờ rơi.  - Xác định đối tượng khách hàng hoặc người đọc tờ rơi.  - Thu thập các thông tin liên quan về sản phẩm hay hoạt động.  - Tham khảo cách thiết kế các tờ rơi trên Internet.  **Bước 2:** **Tìm ý và lập dàn ý**  HS thực hành các bước tìm ý, lập dàn ý như phần hướng dẫn.  **Bước 3: Thiết kế tờ rơi**  – Xác định mẫu tờ rơi sẽ thiết kế (dạng đơn/ gấp đôi/ gấp ba).  – Xác định nội dung quảng cáo của tờ rơi (dựa trên sản phẩm của bước *Tìm ý, lập dàn ý*).  – Xác định (những) phương tiện phi ngôn ngữ như: Hình ảnh/ biểu tượng/sơ đồ/… sẽ sử dụng kết hợp trong tờ rơi.  – Dự kiến cách sắp xếp nội dung và các phương tiện phi ngôn ngữ trên tờ rơi (ví dụ: Trước tiên, giới thiệu đặc điểm và tính năng của sản phẩm bằng kênh chữ; sau đó, minh hoạ sản phẩm bằng kênh hình).  – Tiến hành bố trí thử nội dung quảng cáo trên tờ rơi.  – Xem xét, chỉnh sửa, sắp xếp lại nội dung quảng cáo theo một bố cục hợp lí, hấp dẫn, thu hút được sự chú ý của người đọc tờ rơi.  **4. Bước 4: Xem lại, chỉnh sửa, rút kinh nghiệm**  - Sau khi thiết kế, cần đọc lại nội dung, xem lại hình thức trình bày của tờ rơi và chỉnh sửa dựa vào bảng kiểm.  ***­* -** Rút ra ít nhất hai bài học kinh nghiệm về việc thiết kế tờ rơi quảng cáo một sản phẩm hay một hoạt động. | |

**Tiết 84**

**NÓI VÀ NGHE**

**TRÌNH BÀY Ý KIẾN VỀ MỘT SỰ VIỆC CÓ TÍNH THỜI SỰ**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| **KHỞI ĐỘNG**  **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ học tập**  - Ở lớp 8, các em đã được thực hành kĩ năng nói và nghe trình bày ý kiến về một vấn đề xã hội ở nhiều bài học.  GV yêu cầu HS điền vào bảng KWL (điền cột K, L):   |  |  |  | | --- | --- | --- | | **Cột K** | **Cột W** | **Cột L** | | Những điều đã biết về cách trình bày ý kiến về một vấn đề xã hội | Những điều muốn biết về kĩ năng trình bày ý kiến về một sự việc có tính thời sự | Những điều em học được sau tiết học | | … | … | … |   - Theo em, phần nói và nghe tiết hôm nay có liên hệ gì với phần viết mà em đã học trong tiết trước? Nhiệm vụ học tập chúng ta cần thực hiện trong tiết học hôm nay là gì?  **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ**   * HS suy nghĩ, thảo luận theo cặp đôi để hoàn thành các nhiệm vụ. * GV động viên, khuyến khích.   **Bước 3: Báo cáo, thảo luận**  1 – 2 HS trình bày câu trả lời. Các HS khác góp ý, bổ sung.  **Bước 4: Kết luận, nhận định**  - GV nhận xét, tổng hợp các tri thức nền của HS về cách trình bày ý kiến về một vấn đề xã hội và ghi tóm tắt dưới dạng từ/ cụm từ lên bảng phụ.   |  |  |  | | --- | --- | --- | | **Cột K** | **Cột W** | **Cột L** | | Những điều đã biết về cách trình bày ý kiến về một vấn đề xã hội | Những điều muốn biết về kĩ năng trình bày ý kiến về một sự việc có tính thời sự | Những điều em học được sau tiết học | | Để trình bày ý kiến về một vấn đề xã hội, chúng ta cần:  - Lựa chọn vấn đề trình bày.  - Xác định thời lượng trình bày và đối tượng người nghe để lựa chọn nội dung và cách trình bày phù hợp.  - Chuẩn bị dàn ý bài nói và các tư liệu, tranh ảnh, thiết bị hỗ trợ (nếu có).  **-** Sử dụng ngôn ngữ kết hợp nét mặt, ánh mắt, giọng điệu,… phù hợp với nội dung bài nói. | - Các bước tiến hành trình bày ý kiến?  - Cần lưu ý thêm điều gì? | (Cuối giờ học điền) |   - GV nhận xét và hướng dẫn HS chốt nhiệm vụ nói và nghe trong tiết học mới: Dựa vào nội dung viết tiết trước đã thực hiện (viết bài nghị luận về một vấn đề cần giải quyết), tiết học này cô và các em sẽ học cách trình bày ý kiến về một sự việc có tính thời sự. | |
| **HOẠT ĐỘNG HÌNH THÀNH KIẾN THỨC**   |  |  | | --- | --- | | **Phiếu chuẩn bị bài nói: Trình bày ý kiến về một một sự việc có tính thời sự (HS chuẩn bị ở nhà)** | | | **1. Mục đích của bài nói** | **...** | | **2. Đối tượng người nghe** | **...** | | **3. Đề tài của bài nói** (sự việc có tính thời sự để nêu ý kiến) | **...** | | **4. Lập dàn ý bài nói:**  Mở đầu:.......  Triển khai:......  Kết luận:......... | **...** | | |
| **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**  - GV yêu cầu HS kiểm tra chéo phần chuẩn bị bài nói ở nhà của HS theo hướng dẫn ở **Phiếu chuẩn bị bài nói.**  **-** GV mời một số HS phát biểu về những lưu ý trong bước chuẩn bị bài nói và trình bày bài nói bằng cách trả lại nhanh các câu hỏi sau:  + *Để có một bài nói trình bày ý kiến về một sự việc có tính thời sự em cần chuẩn bị những gì trước khi nói?*  *- Bố cục của bài nói trình bày ý kiến về một sự việc có tính thời sự gồm mấy phần? Yêu cầu của từng phần là gì?*  *- Để bài nói thêm thu hút và thuyết phục, em có thể sử dụng thêm các phương tiện hỗ trợ nào?*  *-* GV yêu cầu HS dành 5 – 7 phút để tự soát lại nội dung của Phiếu chuẩn bị bài nói.  - GV lưu ý HS khi tập luyện cần điều chỉnh dung lượng bài nói cho phù hợp với thời gian quy định, đồng thời cần chú ý cách sử dụng ngữ điệu nói, cử chỉ, điệu bộ và ánh mắt để tăng sức thuyết phục cho bài nói của mình.  **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ**  - HS suy nghĩ, theo dõi SGK lần lượt thực hiện các yêu cầu của GV.  - HS khác nghe, góp ý.  - GV quan sát, khuyến khích, hỗ trợ.  **Bước 3: Báo cáo, thảo luận**  HS hoàn thiện sự chuẩn bị bài nói; tập trình bày bài nói trước nhóm.  **Bước 4: Đánh giá, kết luận**  GV nhận xét, chuẩn kiến thức.  **. Nhiệm vụ 1: Hướng dẫn HS chuẩn bị nói**  **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**  - Dựa vào phần chuẩn bị ở nhà, GV yêu cầu HS trình bày dàn ý các đề bài nói mà GV đã giao trước tiết học.  - GV yêu cầu nhóm trưởng các nhóm báo cáo kết quả chuẩn bị sản phẩm của các thành viên trong nhóm và chấm chéo dàn ý bài nói của các thành viên trước tiết học.  **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ**  GV gọi 2 HS trình bày nhanh dàn ý của mỗi đề bài nói.  **Bước 3: Báo cáo, thảo luận**  HS trả lời cá nhân.  Các HS khác lắng nghe, bổ sung.  **Bước 4: Đánh giá kết luận** | **I. TRƯỚC KHI NÓI**  **1.1 Chuẩn bị**  **a. Bước 1: Xác định đề tài mục đích, thời gian và không gian nói.**  - Đề tài của bài trình bày là một sự việc có tính thời sự - những sự việc quan trọng, xảy ra trong thời gian gần nhất, thu hút sự quan tâm của em và mọi người. Có thể tìm đề tài dựa trên chương trình *Thời sự* của các đài truyền hình, mục thời sự, tin tức trên các tờ báo lớn. Chẳng hạn:  - Sự việc về môi trường.  - Sự việc về các hiện tượng diễn ra trong học đường.  - Sự việc về văn hoá, xã hội.  …  **- Mục đích nói:** Giúp người nghe hiểu đúng về một sự việc có tính thời sự; từ đó có thái độ và hành động phù hợp.  - **Người nghe:** giáo viên chủ nhiệm và các bạn học sinh tham gia buổi toạ đàm.  - **Thời gian và không gian nói:** buổi sinh hoạt đầu tuần, tại lớp học.  **b. Bước 2: Tìm ý, lập dàn ý cho bài nói**  - Tìm ý cho bài nói bằng cách trả lời các câu hỏi:  + Sự việc có tính thời sự mà em sẽ trình bày là gì?  + Quan điểm, ý kiến của em thế nào: đồng tình hay phản đối?  + Em có thể rút ra bài học, giải pháp nào từ sự việc.  - Lập dàn ý cho bài nói theo các phần:  + Nêu tóm tắt sự việc cần trình bày: Sự việc gì? Liên quan đến ai? Ở đâu? Khi nào? Xảy ra như thế nào? Nguyên nhân là gì?  + Trình bày ý kiến về sự việc (đồng tình/phản đối): Đưa ra lí lẽ và bằng chứng làm sáng tỏ luận điểm.  + Nêu bài học rút ra từ sự việc (bài học nhận thức, hành động,…)  - Chuẩn bị phương tiện phi ngôn ngữ hỗ trợ bài trình bày; chuẩn bị phần mở đầu và kết thúc hấp dẫn, thuyết phục; dự kiến trước phần phản biện của người nghe và chuẩn bị câu trả lời.  **1.2.** **Tập luyện**  - HS tự soát lại phần đã chuẩn bị của bài nói.  - HS nói tập nói trước nhóm/tổ.  **III. THỰC HÀNH NÓI – SAU KHI NÓI**  **Đề tài (GV đã giao chuẩn bị trước tiết học)**  **Đề 1 (nhóm 1, 2):** Trình bày ý kiến về một sự việc có tính thời sự tác động tiêu cực tới tự nhiên (*chặt phá rừng, xả nước thải chưa qua xử lí, săn bắn động vật trái phép,..*.)  **Đề 2 (nhóm 3, 4):** Trình bày ý kiến về một sự việc có tính thời sự tác động tiêu cực tới môi trường học đường (*đi học muộn, nghiện điện thoại, học đối phó,…)*  => Hướng dẫn lập dàn ý:  **Đề 1.** Trình bày ý kiến về một vụ phá rừng phòng hộ.   |  |  | | --- | --- | | Mở đầu | Giới thiệu về vụ phá rừng phòng hộ (sự việc gì, ở đâu, khi nào, do ai?) | | Triển khai | - *Bản chất của sự việc phá rừng đầu nguồn là gì?*  *- Việc phá rừng đầu nguồn gây ra những hậu quả gì cho tự nhiên và cuộc sống con người?*  *- Có ý kiến trái chiều nào xoay quanh việc phá rừng đầu nguồn cần bác bỏ?*  *- Cần có những giải pháp nào để ngặn chặn hành vi phá rừng đầu nguồn?*  *- Cần có hành động gì trước thực trạng đang diễn ra?* | | Kết thúc | Nêu ý nghĩa của sự việc đã trình bày, liên hệ trách nhiệm của mỗi người. |   **Đề 2.** Tham khảo dài ý của tiết Viết *Viết bài văn nghị luận về một vấn đề cần giải quyết.* |
| **. Nhiệm vụ 2: Thực hành nói**  **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**  - GV mời lần lượt đại diện nhóm 1, 3 sẽ báo cáo sản phẩm bài nói.  Nhóm 2, 4 sẽ phản biện, nhận xét và đánh giá.  - GV nêu rõ yêu cầu:  + Thời gian tối đa trình bày bài nói: **03 phút**.  + Trong quá trình bạn trình bày bài nói, các HS khác lắng nghe và ghi lại nhanh các thông tin của bài nói vào Phiếu ghi chép của người nghe  + GV trình chiếu Phiếu đánh giá sản phẩm nói theo tiêu chí.  Yêu cầu cả người nói và người nghe bám sát vào các tiêu chí trong phiếu đánh giá sản phẩm nói để điều chỉnh bài nói (người nói) cũng như đánh giá bài nói (người nghe).  **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ**  - Người nói rà soát đề cương bài nói, phương tiện hỗ trợ để thực hiện bài nói.  - Người nghe xem kĩ phiếu ghi chép và phiếu đánh giá sản phẩm nói.  **Bước 3: Báo cáo, thảo luận**  - Đại diện các nhóm 1, 3 trình bày bài nói.  - Các HS khác quan sát, lắng nghe, điền thông tin vào Phiếu ghi chép của người nghe.  **Bước 4: Đánh giá, kết luận**  GV nhận xét sản phẩm HS.  **3. Nhiệm vụ 3. Trao đổi, đánh giá sau khi nói**  **Bước 1. Chuyển giao nhiệm vụ**  GV mời đại diện nhóm 2, 4 nhận xét, phản biện và đánh giá sản phẩm bài nói của nhóm 1, 3.  **Bước 2+3. Thực hiện nhiệm vụ + Báo cáo**  - Đại diện các nhóm/cá nhân trao đổi, đánh giá.  - Các HS đánh giá sản phẩm nói của các HS trình bày theo rubrics đánh giá.  **Bước 4: Đánh giá, kết luận**  - GV nhận xét, đánh giá và cho điểm **nhóm 1, 3** các nhóm theo rubric.  - HS về nhà hoàn thiện Phiếu tự đánh giá và kiểm tra quá trình nghe của bản thân. | **Thực hành nói**  **Đề bài: Trong buổi sinh hoạt đầu tuần, giáo viên chủ nhiệm tổ chức buổi toạn đàm *Tuổi trẻ và cuộc sống hôm nay.* Hãy chọn mộtsự việc có tính thời sự mà em quan tâm, chuẩn bị bài trình bày để tham gia buổi toạ đàm.**  **Cụ thể:**  **Đề 1 (nhóm 1, 2):** Trình bày ý kiến về một sự việc có tính thời sự tác động tiêu cực tới tự nhiên (*chặt phá rừng, xả nước thải chưa qua xử lí, săn bắn động vật trái phép,..*.)  **Đề 2 (nhóm 3, 4):** Trình bày ý kiến về một sự việc có tính thời sự tác động tiêu cực tới môi trường học đường (*đi học muộn, nghiện điện thoại, học đối phó,…)*  **Báo cáo sản phẩm bài nói:**  **TOẠ ĐÀM “*TUỔI TRẺ VÀ CUỘC SỐNG HÔM NAY”***  **a. Người nói**  - Trình bày ý kiến về một sự việc có tính thời sự (con người trong mối quan hệ với tự nhiên) theo dàn ý.  - Chú ý sự kết hợp các phương tiện phi ngôn ngữ; lời nói, giọng điệu, cử chỉ, nét mặt...  **b. Người nghe**  **-** Lắng nghe, ghi chép theo Phiếu ghi chép.  - Tôn trọng người trình bày.  **2. Sau khi nói (Trao đổi, đánh giá)**  **a. Người nói**  - Giải thích lí do lựa chọn sự việc để trình bày ý kiến, phân tích thêm để thấy tính hợp lí của sự lựa chọn đó.  - Lắng nghe để nắm bắt ý kiến trao đổi của người nghe về các khía cạnh cụ thể của sự việc.  - Tiếp thu hoặc trao đổi lại những nhận xét, đánh giá của người nghe.  **b. Người nghe**  - Đánh giá về sự việc được người nói đề cập (chú ý mức độ phù hợp của đề tài so với yêu cầu đặt ra trong bài).  - Thể hiện sự tán thành hoặc không tán thành với những ý kiến của người nói về các khía cạnh cụ thể của sự việc.  - Nhận xét về nội dung trình bày và cách trình bày của người nói.  **c. Đánh giá**  - Phiếu đánh giá bài nói theo tiêu chí.  - Phiếu tự đánh giá và kiểm tra quá trình nghe. |

**PHIẾU GHI CHÉP CỦA NGƯỜI NGHE**

**Tên người nói**:.....................................................

**Tên người nghe:**.....................................................

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Vấn đề cần theo dõi** | **Ghi chép của người nghe về bài nói** | **Quan điểm cá nhân (**đồng tình/ không đồng tình, nêu rõ) |
| Đề tài bài nói (sự việc có tính thời sự) |  |  |
| Bản chất của sự việc |  |  |
| Ảnh hưởng của sự việc |  |  |
| Ý kiến trái chiều và lí lẽ bác bỏ |  |  |
| Giải pháp cho sự việc |  |  |
| Nhận xét phần trình bày của người nói. |  |  |
| Có những câu hỏi/vấn đề nào cần hỏi?  ..............................................................................................................  .............................................................................................................. | | |

|  |
| --- |
| ***Bảng kiểm kĩ năng trình bày ý kiến về một sự việc có tính thời sự*** |
| **Người nói**:…………………………………..  **Người nhận xét:**………………………………………. |
| |  |  |  | | --- | --- | --- | | **Tiêu chí** | **Đạt** | **Chưa đạt** | | Bài trình bày có đủ các phần mở đầu, nội dung chính, kết thúc |  |  | | Mở đầu thu hút |  |  | | Kết thúc ấn tượng |  |  | | Chọn sự việc có tính thời sự để trình bày |  |  | | Nêu rõ ý kiến đồng tình/phản đối về sự việc |  |  | | Đưa ra lí lẽ, bằng chứng phù hợp, thuyết phục để làm sáng tỏ ý kiến |  |  | | Nêu bài học rút ra từ sự việc một cách thuyết phục |  |  | | Kết hợp hiệu quả các phương tiện phi ngôn ngữ |  |  | | Trả lời lịch sự, thoả đáng câu hỏi và các ý kiến phản biện của người nghe |  |  | | Trình bày tự tin, nói năng lưu loát |  |  | | Đảm bảo thời gian quy định |  |  | |

**PHIẾU TỰ ĐÁNH GIÁ VÀ KIỂM TRA QUÁ TRÌNH NGHE**

**Người tự đánh giá:………………….**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **STT** | **Nội dung đánh giá** | **Kết quả** | |
| **Đạt** | **Chưa đạt** |
| **ĐÁNH GIÁ QUÁ TRÌNH NGHE** | |  |  |
| 1 | Thái độ nghe: tập trung và tôn trọng người nói |  |  |
| 2 | Tích cực ghi chép |  |  |
| 3 | Các ý bổ sung đúng vấn đề, có ý nghĩa |  |  |
| 4 | Câu hỏi phản biện đã hướng đến vấn đề chính của bài nói |  |  |
| 5 | **ĐÁNH GIÁ CHUNG**  - Điều bản thân đã làm tốt trong kĩ năng nghe  ..........................................................................................................................  - Điều bản thân muốn khắc phục trong kĩ năng nghe  ............................................................................... | | |

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP, VẬN DỤNG** | |
| **Nhiệm vụ 2: Sáng tạo video trình bày ý kiến về một sự việc có tính thời sự**  **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**.  - **Nhóm 2, 4** hoàn thành 01 video trình bày ý kiến về một sự việc có tính thời sự. Video đảm bảo yêu cầu sau:  + Có tên trường, tên lớp, tên nhóm, đề tài trình bày, tên các thành viên.  + Nhóm thống nhất đề tài trong nhóm (về 01 sự việc cụ thể có tính thời sự), thống nhất dàn ý bài nói, cử 01 đại diện trình bày video và cả nhóm cùng quay lại; sử dụng các phương tiện phi ngôn ngữ để làm phong phú cho video.  - Thời gian, sản phẩm và cách thức nộp.  + Thời gian: 01 tuần sau tiết học.  + Sản phẩm: 01 video trình bày ý kiến, một biên bản làm việc nhóm (ghi rõ họ tên và nhiệm vụ của từng thành viên), một bản đánh giá quá trình làm việc nhóm của các thành viên.  + Cách thức nộp: Gửi đăng trên padlet hoặc zalo nhóm lớp.  - GV cung cấp Rubrics đánh giá sản phẩm video của nhóm 2, 4.  **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ**  HS nhóm 2, 4 thực hiện nhiệm vụ học tập ở nhà.  **Bước 3: Báo cáo, thảo luận**  Nộp sản phẩm trên Gửi đăng trên padlet hoặc zalo nhóm lớp.  HS nhóm 1, 3 xem video, nhận xét, đánh giá.  **Bước 4: Kết luận, nhận xét**  GV đánh giá và cho điểm sản phẩm nhóm 2, 4. |  |

**BẢNG KIỂM TIÊU CHÍ ĐÁNH GIÁ   
CLIP TRÌNH BÀY Ý KIẾN VỀ MỘT SỰ VIỆC CÓ TÍNH THỜI SỰ**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Tiêu chí** | | **Đạt** | **Chưa đạt** |
| Nội dung clip | Bài trình bày có đủ các phần mở đầu, nội dung chính, kết thúc |  |  |
| Mở đầu thu hút |  |  |
| Kết thúc ấn tượng |  |  |
| Chọn được sự việc có tính thời sự để trình bày |  |  |
| Nêu rõ ý kiến đồng tình/ phản đối về sự việc |  |  |
| Đưa ra lí lẽ, bằng chứng phù hợp để làm sáng tỏ ý kiến |  |  |
| Nêu bài học rút ra từ sự việc một cách thuyết phục |  |  |
| Hình thức trình bày | Người trình bày tự tin, cách nói thu hút, lưu loát |  |  |
| Đảm bảo thời gian, không quá 5 phút |  |  |
| Sử dụng các phương tiện phi ngôn ngữ hỗ trợ |  |  |
| Chất lượng kĩ thuật | Độ phân giải hình ảnh rõ ràng (tối thiểu HD) |  |  |
| Âm thanh clip rõ tiếng, không bị rè |  |  |

**Tiết 85 ÔN TẬP**

**Bài 6:**

**Nhiệm vụ 1: Thực hành phần Ôn tập** (Tr. 29, SGK, Chân trời sáng tạo, Ngữ văn 8, tập một).

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV và HS** | **Dự kiến sản phẩm** |
| **Bước 1: GV giao nhiệm vụ:**  Chia lớp thành 4 nhóm và thực hiện yêu cầu:  **+ Nhóm 1,2**: Thảo luận các câu hỏi 1, 2, 3.  + **Nhóm 3, 4**: Thảo luận các câu hỏi 4, 5, 6  - Các nhóm về nhà hoàn thiện sản phẩm câu 7  **Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ:**  **-**Hs tiến hành suy nghĩ, thảo luận.  **Bước 3: HS báo cáo sản phẩm, thảo luận.**  **Bước 4: Đánh giá sản phẩm bằng điểm. GV chốt kiến thức** | **Câu 1: Tóm tắt luận đề, luận điểm, lí lẽ, bằng chứng của các văn bản nghị luận đã học bằng cách hoàn thành bảng:**     |  |  |  |  | | --- | --- | --- | --- | | **Văn bản** | ***Đấu tranh cho một thế giới hoà bình*** | ***Bài phát biểu của Tổng Thư kí Liên hợp quốc về biến đổi khí hậu*** | ***Bản sắc dân tộc: cái gốc của mọi công dân toàn cầu*** | | Luận đề | Vấn đề chạy đua vũ khí hạt nhân trên toàn cầu | Vấn đề biến đổi khí hậu toàn cầu | Sự dung hoà giữa giá trị truyền thống và hội nhập quốc tế đối với mỗi công dân toàn cầu | | Luận điểm | – Luận điểm 1: Thực trạng và các nguy cơ của việc chạy đua vũ trang trong thế giới hiện đại  – Luận điểm 2: Việc chạy đua vũ trang làm cho nhân loại mất đi khả năng sống tốt đẹp hơn  – Luận điểm 3: Việc chạy đua vũ trang là đi ngược lại lí trí của con người và lí trí của tự nhiên  – Luận điểm 4: Lời kêu gọi chấm dứt việc chạy đua vũ trang | – Luận điểm 1: Thực trạng biến đổi khí hậu toàn cầu và sự cần thiết phải giải quyết vấn đề  – Luận điểm 2: Hậu quả của biến đổi khí hậu toàn cầu  – Luận điểm 3: Giải pháp cho vấn đề khủng hoảng biến đổi khí hậu và trách nhiệm của các quốc gia giàu có trong việc giải quyết vấn đề này  – Luận điểm 4: Khẳng định vai trò lãnh đạo của người trẻ và phụ nữ trong việc ứng phó với vấn đề biến đổi khí hậu | – Luận điểm 1: Khi một người tự hào nói rằng “tôi là công dân toàn cầu”, có nghĩa là những việc anh ta đã và đang làm góp phần làm nên một thế giới tốt đẹp hơn  – Luận điểm 2: Đặc trưng của toàn cầu hoá là sự đón nhận và trân trọng đóng góp của tất cả các dân tộc trong bản hoà ca của nhân loại | | Lí lẽ và bằng chứng | HS tự trình bày. | HS tự trình bày. | HS tự trình bày |   **Câu 2:** Khi đọc VB nghị luận, việc liên hệ thông điệp, ý tưởng với bối cảnh lịch sử, văn hoá, xã hội giúp người đọc có căn cứ để hiểu chính xác, sâu sắc hơn nội dung VB; đồng thời, kết nối nội dung VB với trải nghiệm thực tế của bản thân để có những biến chuyển trong nhận thức và hành động.  **Câu 3:** Gợi ý kinh nghiệm về lựa chọn câu đơn/ câu ghép trong khi nói và viết:  Trong thực tế giao tiếp, tuỳ vào mục đích khác nhau, người nói/ người viết, có thể lựa chọn sử dụng câu đơn/ câu ghép. Chúng ta thường sử dụng câu đơn để biểu thị một phán đoán đơn và sử dụng câu ghép để biểu thị một phán đoán phức hợp, thể hiện một quá trình tư duy và thông báo có tính chất phức hợp.  **Câu 4:** Khi viết bài văn nghị luận về một vấn đề cần giải quyết, cần triển khai phần giải pháp một cách rõ ràng, rành mạch; có thể sắp xếp theo tính khả thi của giải pháp hoặc đối tượng thực hiện giải pháp; phân tích ưu nhược điểm của từng giải pháp để tăng tính thuyết phục cho bài viết.  **Câu 5:** Theo em, khi thiết kế văn bản quảng cáo hoặc tờ rơi về một sản phẩm hay một hoạt động, chúng ta cần lưu ý:   * Sử dụng các cỡ chữ, kiểu chữ khác nhau, màu sắc chữ hài hoà. * Từ ngữ ngắn gọn, không sử dụng nhiều hình ảnh gây rối mắt và phân tán sự chú ý của người đọc; màu sắc, cỡ hình phù hợp. * Tuỳ thuộc vào nội dung quảng cáo và hình ảnh để bố trí nội dung quảng cáo trên các mặt tờ rơi dạng đơn, gấp đôi hoặc gấp ba (nếu có thể). * Chọn giấy in có khổ giấy phù hợp, chất lượng cao để đảm bảo hiệu quả quảng cáo của tờ rơi.   **Câu 6:**  - Sự việc có tính thời sự là sự việc xảy ra trong xã hội, được nhiều người quan tâm.  - Các ý chính cần có trong bài trình bày ý kiến về một sự việc có tính thời sự.  + Nêu tóm tắt sự việc cần trình bày: Sự việc gì? Liên quan đến ai? Ở đâu? Khi nào? Xảy ra như thế nào? Nguyên nhân là gì?  + Trình bày ý kiến về sự việc (đồng tình/phản đối): Đưa ra lí lẽ và bằng chứng làm sáng tỏ luận điểm.  + Nêu bài học rút ra từ sự việc (bài học nhận thức, hành động,…)  **Câu 7:** GV lưu ý một số vấn đề sau về sản phẩm sáng tạo:  – Nội dung: Sản phẩm cần thể hiện rõ ràng, đầy đủ, chính xác thông tin về một vấn đề toàn cầu mà HS quan tâm.  – Hình thức: Sản phẩm cần sáng tạo, mới mẻ, hấp dẫn về hình thức trình bày và phù hợp với nội dung muốn truyền tải đến người đọc/ người xem. |

**\* Nhiệm vụ 2: Lập bảng thống kê theo mẫu:**

**Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**: Giáo viên yêu cầu HS đọc mở rộng VB nghị luận ngoài sgk ở nhà và thống kê các tác phẩm đã đọc theo mẫu:

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Tên văn bản** | **Đặc sắc nội dung** | **Đặc sắc nghệ thuật** |
| ……………… |  |  |
| ……………… |  |  |
| ……………… |  |  |

**Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ**

HS điền nội dung vào từng cột của phiếu học tập

**Bước 3: Báo cáo, thảo luận**

Tổ chức báo cáo sản phẩm vào tiết học thêm buổi chiều.

**Bước 4: Kết luận, nhận định:** GV nhận xét bài làm của HS.

**Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**: (GV giao bài tập)

HS thảo luận theo cặp đôi:

(1) Sau khi học xong bài này, em có thêm câu trả lời nào mới cho câu hỏi lớn đầu bài học không?

(2) Em có thay đổi ý kiến mình đã nêu ra ở đầu bài học để trả lời cho câu hỏi lớn hay không?

(3) Bài học ứng xử em rút ra được sau khi học chủ điểm này là gì?

**Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ**

- Các nhóm hoàn thành bài tập, thuyết trình trước lớp và thảo luận.

- GV khích lệ, giúp đỡ.

**Bước 3: Báo cáo, thảo luận**

**Bước 4: Kết luận, nhận định (GV)**

- Nhận xét ý thức làm bài của HS, chất lượng sản phẩm học tập của các nhóm.

- Cho điểm hoặc phát thưởng.

1. Tìm đọc mở rộng các văn bản nghị luận về một vấn đề toàn cầu.

2. Tự giả định tình huống cần thuyết phục mọi người về một vấn đề cần giải quyết.

3. Tham khảo các sách, tài liệu hướng dẫn kĩ năng viết bài nghị luận về một vấn đề cần giải quyết.

4. Vận dụng những kiến thức, kĩ năng đã học được từ bài học vào việc tham gia tổ chức các hoạt động ở trường và địa phương nơi em sinh sống.

**IV.HƯỚNG DẪN TỰ HỌC.**

**1. Chủ đề vừa học: Bài 6 *NHỮNG VẤN ĐỀ TOÀN CẦU***

- Nắm được luận đề, luận điểm, lí lẽ và bằng chứng tiêu biểu trong văn bản.

- Nắm được thông điểm, bối cảnh lịch sử, văn hóa, xã hội trong văn bản.

- Nắm được các kiểu câu ghép.

- Viết được bài văn nghị luận về một vấn đề cần giải quyết.

- Viết được văn bản quảng cáo hoặc tờ rơi về một sản phẩm hay hoạt động.

**2. Chủ đề sắp học: Bài 7: HÀNH TRÌNH KHÁM PHÁ SỰ THẬT (Truyện trinh thám)**

- Đọc hai văn bản: Chiếc mũ miện dát đá be-rô, Ngôi mộ cổ.

- Soạn các câu hỏi Sgk/ 38, 43.

- Viết được một truyện kể sáng tạo.

- Nắm được đặc điểm câu rút gọn, câu đặc biệt.